

TRİ TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

- * Một nhân vật lịch-sử... Hoa-Bằng
- * Tùy hứng Mộng-Son — Tùng-Quân
- * Ca dao của Tàu đời thượng cổ Trúc-Khê
- * Một quyển sách nói về hát bộ Nguyễn-văn-Tổ
- * Đại nam dật sự (XXXV): Ngô-vương-Quyền Ứng-hòa
- * Tài liệu đề đình chính những bài văn cổ Nguyễn-văn-Tổ
- * Tơ duyên Dương liễu Mộng-Tuyệt
- * Những ông nghề triều Lê (LXXXV) Ứng-hòa
- * Bản sách dẫn về Đại-nam liệt truyện (XIX) Lê-văn-Phúc
- * Bốn năm trên đảo Cạc-ba Văn-Đài
- * Một cách chơi văn Kiều Tùng-Thành Nguyễn-Nhân
- * An-Tu, tiểu thuyết (II) Nguyễn-huy-tướng

0 \$ 50



MỘT NHÂN VẬT LỊCH-SỬ

đã làm những việc chuyển đất xoay trời
sao lại không được chính sử nước ta chép tên?

HÒA-BẮNG

Trong bộ *Việt Lam xuân thu* (1), tác-giả có nêu một nhân-vật lịch-sử tối quan-trọng, người ấy đã từng đóng một vai như Gia-cai Lượng ở đời Hán, đã từng gian nan trong mười năm trường để cùng Nguyễn Trãi giúp Bình-định-vương Lê Lợi, với sức ủng hộ của dân-chúng, đánh đuổi giặc Minh, khôi phục đất Việt.

— Người ấy là ai?

— Lê Thiện!

Lê Thiện là con Lê Thường, là em Lê Lợi, người làng Lam-sơn, huyện Nga-lạc, Thanh-hóa. Nguyên nhà họ Lê ấy có bốn anh em: trưởng là Lê Lai, thứ hai là Lê Lợi, thứ ba là Lê Thạch, thứ tư là Lê Thiện.

Theo *Việt Lam xuân thu* thì Lê Thiện «... khi lên ba, biết nói đủ điều; 15 tuổi, rộng thông các loại phần (2) điền (3), lâu thao lược (4) thao (5). Người bấy giờ gọi là thần đồng con. Cha mẹ chọn đời lứa, Thiện không khứng, chỉ ra đi chơi xem xét những nơi núi, sông, rừng rậm, kẻ chợ, nhà quê, sông, ngòi, suối, biển, đường đất gần xa ra sao, chỗ nào cũng ghi nhớ hết cả.

« Một hôm, đến chơi trang Lũng-ngoại, châu Tam-dới, Thiện thấy có người con gái của Lý Tự Thành,

thái giám đời Trần, có vẻ mặt đoan trang, nét na thuần nhất. Thiện ra ý bằng lòng, bèn tự mưu cầu lấy. Ông Lý yêu Thiện là người tài, liền gả con cho. Về sau, sinh được một trai, đặt tên là Khâm. Thiện dạy con học: tính hiếu các sách kinh sử, thông bác cả địa lý thiên văn. Hai cha con cùng nổi danh ở đương thời... » *Việt Lam xuân thu*, quyển 1, tờ 10).

Đến năm mất tuất, Bình-định-vương nguyên niên (1418), Lê Lợi định lập Lê Thiện làm chánh quân sư. Nguyễn Trãi làm phó quân sư để cả hai đều giữ quân quốc sự vụ. Nhưng Thiện từ, tạ rằng: « Thiện này vốn là em của đại vương (Lê Lợi) há nên chuyên giữ binh quyền? Xin theo làm việc ở quân trung, là đủ. » (*Việt Lam xuân thu*, quyển 2, tờ 70 a)

Trong mắt Nguyễn Trãi, Lê Thiện là người được Trãi rất trọng. Khi Lê Lợi nói khiêm tốn rằng « hiện nay môn hạ thuần là vô tướng, có dũng mà không có mưu, chưa thể hấp-tấp động binh được; » thì Trãi thưa: « Ông Tư (chỉ Lê Thiện) nhà minh-công (chỉ Lê Lợi) là người mưu trí gồm đủ, sao gọi là vô mưu? »

Lại có lần Nguyễn Trãi bảo Lê Lợi rằng: « Kiến thức ông Tư

(Lê Thiện) hơn tôi gấp 10 lần. Xin Bệ hạ nhờ ông ấy giúp sức: thì có thể tính xong được thiên hạ » (*Việt Lam xuân thu*), quyển 3, tờ 36 a).

Quả thế, cứ theo *Việt Lam xuân thu* thì Lê Thiện là người làm quân-sư cho Lê Lợi, nổi cách mệnh từ ngày còn Hồ Quý-Ly và Hồ Hán Thương.

(1) Chỗ tờ vẽ lưỡng long triều nguyệt lồng bốn chữ nhan sách thì đề là *Việt Lam xuân-thu*; còn nơi mục lục và ruột tờ sách thì đề in là *Việt Lam tiểu sử*. Không rõ ai làm, vì tác giả không ký tên. Theo lời tựa của ông Lê Hoan đề ngày mồng một tháng 10, năm Day-tân Mậu-thân (1908) thì bộ *Việt Lam xuân thu* là do ông kiếm được ở trong tủ sách một nhà danh-gia, bèn đem đứng in một bản để hành-hé.

(2) Những sách của Phác-Hí, Thần-Nông, Hoàng-đế, gọi là Tam phần, nói về cái đạo cao cả.

(3) Việc cũ gọi là « điền rí ».

« Rộng thông phần điền », ý nói Lê Thiện học rộng kinh sách.

(4) « Lược » tức là Tam lược, tức binh thư của Tàu xưa, có ba quyển.

(5) « Thao » Lục thao: Văn-thao, Võ-thao, Long thao, Hồ thao, Báo thao, Khuyển-thao. Cũng là thứ sách sách quyền mưu của binh-gia Tàu. — « Lâu thao lược thao », ý nói Lê Thiện tính thông võ nghệ, giỏi mưu lược về việc dụng binh.

Mà chính Lê Thiện đã dự vào việc đánh đồ nhà Hồ, rồi lại xoay chống quân Minh ngay từ khi Trương Phụ sang Nam lần thứ nhất.

Đến khi Lê Lợi đã có Nguyễn Trãi giúp thì Lê Thiện đóng giữ thành Lục-boa, lúc nào cũng ủng hộ anh một cách chặt chẽ, nên đã sai tướng cứu được Lê Lợi thoát chết ở trận Trúc-viên (Tuân-hoa).

Sau, vì từ chối không được, Lê Thiện phải tạm nhận cái chức phó quân sư, theo đuổi việc đánh Minh cho đến khi toàn thắng.

Về sau, công thành, thân thoái, Lê Thiện không chịu nhận một chức tước gì cả.

Mặc dầu cuốn Việt Lam xuân thu có tính-cách tiểu thuyết, nhưng tôi cũng đủ chứng cứ mà nói rằng Lê Thiện không phải là một nhân vật do nhà tiểu thuyết « chế tạo ».

Tại sao tôi dám quả quyết rằng Lê Thiện là một nhân-vật lịch-sử, chứ không phải là một « vai » do nhà tiểu thuyết tưởng tượng ra, bịa đặt ra?

Là vì tôi căn cứ ở tài liệu trong sử, địa.

MỘNG CŨ

tặng bạn cũ sông Hương

Mười mấy thu vàng héo tuổi mơ,
Hoa bay đường cũ, bóng ơ-thơ!
Nhìn mây núi Ngự trời vơ-vẩn,
Theo nước sông Hương chảy lững-lờ,
Thân-thế, tàn rơi bao cánh mộ g!
Tâm-linh, ngưng lại mấy giòng thơ.
Đi tìm hư-ảnh trên sông ấy,
Sương lạnh-lùng reo ánh nguyệt mờ!

MỘNG SƠN

Chàng đi

Một buổi sáng hơi sương còn ẩm lá,
Chàng vội-vàng sửa-soạn mặc nhung y.
Kiếm bên mình hùng-dũng bước ra đi,
Vi nghĩa-vụ, tạm quên tình chăn-gối

Mé sau hiên ngựa hồng vừa dật tới,
Lạnh-lùng chào một tiếng, anay lên
yên.

Buồn chia-ly, em lảng-lặng đứng nhìn
Bóng chàng khuất sau những làn sương
bụi.

Những ánh hồng thướt tha sau rặng
núi,

Tiến đưa người chiến-sĩ tới thành công.
Nẻo xa-xa phơi-phơi áng mây hồng,
Em tưởng - tượng bóng chàng đang
tiến bước.

Trên cánh sen chim vui ca rộn-rã,
Như bảo em: « Nàng hãy gắng vui tươi,
Đề chàng mang khi-phách hiến cho đời,
Rồi mai một khái-hoán đã hội ngộ. »

Em vui sướng tắm nắng vàng rực-rỡ,
Nhẹ-nhàng ngắm những khúc « Anh-
hùng ca ».

Mắt mơ màng nhìn trời thăm bao la,
Lòng cầu nguyện cho chàng mau
thăng trận

TÙNG QUÂN

Sách Ngự phê lịch đại thông giám tập lãm quyển 103, tờ 6b chép rằng: «... Lê Lợi đệ Thiện công Giao-châu phủ...», nghĩa là: Thiện, em Lê Lợi, đánh phủ Giao-châu.

Như vậy, Lê Thiện quả là một nhân-vật thực có.

Có lẽ tác giả Việt Lam xuân-thu đã dựa vào tài liệu sử Tàu mà trả lại cho Lê Thiện một địa-vị trên lịch sử?

Có điều lạ là ngoài những sách như tôi đã nói trên, sử ta như bộ Khâm định Việt sử thông giám cương mục từ quyển 13 đến 15 là chỗ chép về việc Bình-định-vương khởi nghĩa, Lê Thái tổ làm vua, không thấy chỗ nào nói đến tên Lê Thiện.

Mà đến bộ Việt sử tổng vịnh suốt cả mấy mục như Tông thần (quyển 3), Hiền thần (quyển 4), Võ tướng (quyển 7) cũng đều không thấy Lê Thiện ở đâu cả.

Vậy, tại có sao? Xin chất chính cùng các nhà cao minh sử học.

HOA-BẮNG

CA ĐẠO CỦA TÀU ĐỒI THƯƠNG CỎ

TRÚC-KHÈ

Ca dao của Tàu khởi đầu từ bao giờ?

Ta có thể nói không cứ một nước nào, khi tiếng nói đã tạm có để dân húng dùng, thì ca dao tức thời nảy nở. Có người lố ông Chén từ: « Tại sao mà có nhữg ca dao? » Ông nói: « Ng rời s nh vốn tính, đó là tính trời. Cầm vì vật ngoài mà rung động, đó là mối dục của tính. Đã có mối dục thì không thể không nghĩ, đã nghĩ thì không thể không nói, đã nói thì khi lời nói ra không hết, p át ra giọng ngân ngời thổ thán, tất thành những âm hưởng điệu nhịp tự nhiên mà không nghĩ g được, ấy ca dao có dĩ có là vậ như thế. »

Coi vậy thì loài người lố có tiếng nói là có thể có cao dao.

Nước Tàu khai hóa rất sớm, tiếng nói có đã từ lâu, thì ca dao này sinh lấ cũng đã ừ lâu lắm. Song những câu ca dao về loài cỏ, nghĩa là từ thời nhà Hạ nhà Thương trở ề trước, không còn sách nào bên chép, nên không thể khảo mã biết được. Chỉ o về đời nhà Chu, nhờ bộ kinh Thi của Không phu ừ san-dịnh mà lưu lại, nên nay a còn được thấy 160 bài ở ai phần thập ngữ quốc phong (phong-dạo của 15 nước). Xem những ca dao này thật có nhiều bất rất hay, đủ cả những lời mừng, giận vui, buồn, ở ững giọng ngời khêu như mĩa, d ền tại được hết, những tình tình thành

thực tự nhiên của nhiều tầng lớp xã hội, mà trong đó về đường văn học, cũng có một cái giá trị rất đáng kể. Nay xin trích dịch một ít bài ca dao ấy ra đây để các bạn đọc sau khi đọc số Tri-Tân đặc-san về ca dao Việt-nam, được biết đôi chút thi vị những câu ca dao cỏ của Tàu thế nào.

Bài cát đàm, 3 chương:

Bài này ở thiên Chu-nam, lời của bà hiền-phụ là vợ vua Văn-vương, nói việc trị dầy sản để dệt nên vải mặ.

« Cát chi đàm hề,
Dị vu trạng cốc.
Duy diệt thể thể,
Hoàng điều vu phĩ,
Tập ba quân mịch,
Kỷ minh dã dã. »

Dịch:

Lá non non mơn
Dòng dài lệ thể.

Trong hang sợi sản bỏ lê bờ quảng.

Tung bay kia cái oanh vàng.

Chém cây dậu xuống kêu vang bốn
bề.

Chương này nói trước khi trị sản dệt vải.

Cát chi đàm hề,
Dị vu trạng cốc.
Duy diệt mịch mịch,
Thị nghệ, thị hoạch,
Vi hủ, vi khích,
Phục chi vô dịch.

Dịch:

Lá non non xit,
Dây dài lệ thể,
Trong hang sợi sản bỏ lê, bờ quảng.
Cắt về nấu dệt mịn màng.

Vải to vải nhỏ quần chàng, áo cớ.
Chương này nói khi trị sản dệt ra vải.

Ngôn cáo Sư thị,
Ngôn cáo ngôn quy.
Bạc ở ngã ty,
Bạc cần ngã y.
Hạt cần, hạt phủ?
Quy ninh phụ mẫu. »

Dịch:

Có lời ngỏ với Nữ-sư,
Trình thưa hộ thiếp cáo từ về quê
Áo xiêm giặt giũ mọi bề,
Có cha, có mẹ, phải về viếng thăm.
Chương này nói sau khi đã làm
thành vải, may nên áo.

Bài Hán quảng, 3 chương,
trích dịch một

Bài này cũng ở thiên Chu-nam. Nguyên phong tục ở miền sông Giang sông Hán, con gái thường đi chơi rong, rồi gây nên những việc dâm dăng. Từ khi miền ấy nhuần thấm đức hóa của vua Văn-vương thì cái thói ấy đổi đi được: con gái đi chơi, bọn con trai trông thấy biết là không thể trêu ghẹo được như trước, nên làm ra bài này. Hai câu đầu ở chương trích ra dưới đây là lời khởi hứng, bốn câu cuối là lời nói ví, lấy sông Giang sông Hán để ví với những người con gái.

« Nam hữu kiều mịch,
Bất khả hựu tức mịch.
Hán hữu du nữ,
Bất khả cần tư. »
Hán chi quảng mịch, tể quốc mịch.

Bắt khả vị nh tư ;
Giang chi vĩnh hỷ,
Bắt khả phương tư.»

Dịch :

Cây trúc bên nam,
Nghĩ ngợi sao được.
Cỏ vàng sông Hán,
Khôn bề mơ ước.
Iội qua chẳng thể :
Song Hán mệnh mỏng.
Bè qua chẳng thể :
Sông Giang dài lòng.

Bài Hàng lộ, 3 chương

Bài này ở Thiên Thiệu-nam.
Người phương nam nhuần thấm
đức hóa của Văn-vương, con gái
gái biết giữ giá mình trong sạch
không chịu để những kẻ cường
bạo dâm ô, vì thế làm ra bài này
để tỏ chí mình và đề cựa tuyệt kẻ
cường bạo.

« Yếp ấp hàng lộ,
Khởi bất túc dạ,
Vị hàng đa lộ.»

Dịch :

Đầy đường móc lịnh dâm sa,
Đi khuya về sớm chán ta ngại ngủ
« Thù vị tước vô gốc,
Hà dĩ xuyên ngã ốc ?
Thù vị nhữ vô gia,
Hà dĩ tước ngã ngục ?
Tá; tước ngã ngục,
Thử vị gư bất túc.»

Dịch :

« Ai rằng chim sẽ không rừng,
Nóc nhà ta ở nó từng xuyên qua.
Hắn này có lẽ thất gia,
Cho nên nhích ngựa đưa ta vào
tròng ?
Dù gậy nhích ngựa mặc lòng,
Lẽ nghi lón phốt vẫn không có gì.
« Thù vị thữ vô nhữ,
Hà dĩ xuyên ngã ốc ?
Thử vị nhữ vô gia,
Hà dĩ tước ngã ngục (tượng)
Tá; tước ngã ngục,
Thử vị gư bất túc.»

Dịch :

« Ai rằng con chuột không ranh,
Cớ sao đục thủng tường lành nhà
ta ?

Hắn này có lẽ thất gia,
Cho nên nhích ngựa đưa ta vào
tròng.
Dù gậy nhích ngựa mặc lòng,
Lẽ chưa đủ lẽ ta không theo mày.

Bài Cốc phong, 6 chương trích một

Bài này ở Bối-phong. Người
dân bà nước Vệ bị chồng phụ bạc
yếu vợ lẽ mà chồng bỏ mình, nên
làm ra bài này để tỏ tình bi oán.

« Ngã hữu chí súc
Diệp dĩ ngự đông,
Yến nhĩ lán hôn,
Dĩ ngã ngự cùng.
Hữu quang hữu hội,
Kỷ dĩ ngã dục.
Bất niệm tích giả,
Kỷ dư lai kỷ.»

Dịch :

Miếng ngon em cắt để dành,
Tua đông tháng giá nuốt anh
thường ngày,
Phong lưu duyên mới vui thay,
Liệt xơ buổi trước gái này lo loan.
Thôi đừng đánh mắng em oan,
Tắm thân chùi nổi sạn nan đã đầy.
Nhớ chăng khi mới sum này,
Khi em mới tới nhà này làm sao ?

Bài Tương thử, 3 chương

Bài này ở Dung-phong. Người
ta làm ra để chế người không có
lẽ phép lễ-hự. Ba chương nói
lấy đi lấy lại.

Tương thử hữu nhĩ,
Nhân nhĩ vô nghị.
Nhân nhĩ vô nghị,
Bất tử hà sĩ ?

Dịch :

Chuột kia còn có làn da,
Người không phép lễ sống mà
làm chi.

« Tương thử hữu nhĩ,
Nhân nhĩ vô nghị.
Nhân nhĩ vô nghị,
Bất tử hà sĩ ?»

Dịch :

Chuột kia còn có hàm răng,
Người không lịch sự vào sống cho
rồi

Tương thử hữu nhĩ,
Nhân nhĩ vô nghị.
Nhân nhĩ vô nghị,
Hà bất xuyên tử ?»

Dịch :

Chuột kia còn có chân tay,
Người không lễ độ chết ngay cho rồi

Đó là chúng tôi trích đi ra
mấy bài để các bạn đọc được thấy
những tình tình, ý tưởng và giá
trị văn học trong các câu ca dao
của Tàu đời xưa chép trong kinh
thi như thế. Bộ kinh Thi đã do
Đức Khổng sửa dọn kỹ cả g đem
hợp lại thì câu hát xưa rồi, bỏ
bớt phần trùng phùng, xếp lại phần
lộn xộn câu nào mà dè tay
không đủ là mẫu, điều dè không
đủ làm rạn. Cũng loại bỏ đi, làm
thành một bộ sách tốt để đem
dùng vào việc giáo dục. Các kho
ca dao phong phú của nước ta
cũng rất có cái giá trị đủ để dọn
thành một pho sách giáo-dục như
thế. Phở sách ấy nó sẽ có ích cho
ta cả về mọi đường luân-lý, sử-
học và văn học. Vậy nào ai là
người nối theo ngọn bút của
Khổng-tử, soạn-dịch thành pho kinh
thi của nước cổ Việt-nam ?

THỨC-KHÉ

Một quyển sách nói về hát bội

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TO

Hồi tháng mười tây nam ngoài ông Đoàn-Nông, giáo-sư trường Khải-dịnh ở Huế, có ra một quyển sách tên là *Sự tích và nghệ thuật HÁT BỘI*, in ở Hà nội trong « Văn-học tân-thư » của nhà Mai-lĩnh, được 321 trang, khổ giấy 12x8. Cổ pháp thêm độ hai chục bức tranh, vẽ những mũ áo, xiêm giáp, và cách đơm xuyết của nghệ hát bội như vẽ mặt Quan-công thì đỏ, mặt Bao-công thì đen, v.v.

Sách chia ra ba chương: chương thứ nhất nói về gốc-tích và những cái hay cái khéo của nghệ hát-bội; chương thứ hai thuật qua những lớp tuồng thường đến; chương thứ ba sao lại những lớp tuồng hay xưa này vẫn đến đến, thành một quyển sách vừa khảo-cứu vừa trích-diễn. Lời văn giản-dị hoạt-bát, thuần một giọng ta. kuông nhem lời văn Tây hoặc văn Tàu: quốc-ngữ mà được như thế, đã là một công lắm.

Duy có một vài chỗ tên người tên đất của Tàu, ông Đoàn-Nông viết bằng tiếng Quan-thoại, e rằng người Nam ta xem đến, khó hiểu. Như trang 22 có câu: « Trong thế Nam-piao xưa, người Tàu có một điệu múa gọi là ta-chao ». Chữ « ta-chao » ấy có lẽ là *Đại-chiếu*, là một điệu ở Sở-từ của Khuất-Nguyên làm ra; có người nói của Cầm-lai, nhưng không lấy gì làm chắc; vì lúc bấy giờ Khuất-Nguyên bị đày chín năm, sợ không sống nổi, thì việc làm không xong, chớ nên nói gạn làm bài *Chuyện buồn*, khi nước Sở là vui,

tôn quý đức trạch của Hoài-Vương Tương-Vương nước Sở, vì với đời Tam-Vương biết dùng người hiền, các công khanh biết minh-sát, tiến cử người giỏi, để giúp đỡ nhà vua, mong được *Định-trị*; nhân thế đề can vua Sở cho toại chí mình (Sở-từ, 9-10, tờ 1 a). Khuất-Nguyên đặt ra điệu *Đại-chiếu*, ngụ ý mong vua nước Sở hồi tâm lại.

Cùng trang 22 ấy có câu: « Đời nhà Hán có bọn Houang-men-Tchang 45 người hát và múa; sách Sử-ký của Tư mã Thiên nói rằng đời vua Hán Vũ-đế có thứ trò Kiao-ti-Ki (chính hành lâm) ». Dưới chữ « Houang-men-Tchang », nên chưa chữ « Hoàng-môn-Trang », dưới chữ « Kiao-ti-Ki » nên chưa chữ « Giao-tự-ca » và chưa nghĩa là « Bài hát trong xã hội Giao »; nếu không giải nghĩa thì cũng nên chưa ba chữ « Giao-tự-ca » thì mới bổ ích cho người xem.

Đến trang 23 có câu: « Người ta truyền rằng vua Lan-ling rất giỏi về thao lược » và câu: « Trong sử còn có chuyện vua Tchowang-Tsong lên sân khấu đến tuồng với con hát ». Dưới chữ « Lan-ling » nên chưa chữ là « Lan-lăng » và nên nói qua lịch-sử Lan-lăng-Vương (đấy là trước vương, tức như tiếng ta gọi là chúa, chứ không phải vua). *Bách-Tử-thư* chép rằng: Lan-lăng Vũ-Vương tên là Trang-Cung, con thứ tư Văn-tương. Sau khi bị thua ở Mang-sơn, Trang-Cung đem

năm trăm quân Kỵ lại tiến vào đất Chu, đi đến dưới Kim-dung, thì bị vây; những thổ-nhân trong thành không ai biết, Trang-Cung phải chột mũi xuy để cho người ta thấy mặt, thổ-ni ân bèn xuống tay mở đường cứu; bấy giờ Trang-Cung được to, quân sĩ cũng hát, gọi là *Lan-lăng-vương nhập trận khúc* nghĩa là « khúc hát khi Lan-lăng-vương vào trận ». Cứ trong chuyện thì Lan-lăng-vương chột mũi cho dân thấy mặt, mũi trụ tức là mũi sắt dùng khi chiến-tranh cho kín mặt để đỡ tên, đạn, chớ không phải mặt nạ như tác-giả nói. Còn dưới chữ Tché-tang-Tsong » nên chưa chữ Trang-Tông » (923-925).

Trang 24, ông Đoàn-Nông viết chữ « vua Konang-Tsong 1190-1194 » và « Hoàng-hậu Tseu-hi ». Dưới chữ « Konang-Tsong » nên chưa chữ « Quang-tông », và dưới chữ « Tseu-hi » nên chưa là « Từ-hi ». Cũng nên nói qua chuyện Từ-hi vì Từ-hi là người gần đây, nhiều người biết chuyện hoàng-hậu sinh ngày 17 tháng 11 năm 1834, mất ngày 15 tháng 11 năm 1908, là vợ văn-tông (Hải-Phong) mẹ Mục-tông (Đồng-tự), trong hai triều Đức-tông (Quang-tự) và Mục-tông (Đồng-trị) hoàng-hậu cầm quyền chính-trị nước Tàu, trước sau hơn bốn mươi năm, lúc đầu dùng bọn Dịch-Hân thì chính-sự trong triều đình được thanh minh; từ năm Mậu-tuất (1894) chính-sự thay đổi, yểm-tri Đức-tông ở Doan-lai-dại, dùng bọn Tái-kỳ, đến nỗi nhân-tâm li-tán. Mãn Thanh mất nước, thiên-hạ đều xem quyển G. Lié-sou *T'seu-hsi* đồ tội cho Từ-hi bộ *Les jemmies illustres* trong câu Từ-hi « ưa hát bộ

đến nỗi gần lên sâu khấu...»: chữ « gần » ấy không đúng lối chép sử.

Đây là nói về mấy chữ Tàu ông Đoàn Nồng dùng quan-thoại. Đến tiếng là thì ngay chữ « hát bội » là lên sách, ông đổi là « hát-bộ », rồi rằng nghĩa bộ « là bước đi, đi bộ » hát bộ là vừa hát vừa đi, và làm, bộ-tiếp đề-bêu-diễn cảm-giác, cảm-tình với câu hát ». Nguyên chữ ấy xưa nay ta vẫn quen gọi là « hát bội »; bội chính nghĩa, là sự lung, là mặt trái, nghĩa bóng là làm, lại xem như các ông đồ như ngày xưa dạy học - trò, năm ngày học: mười ngày có một kỳ học ôn và viết bội-độc, nghĩa là cho học ôn, lại mấy bài hôm trước, rồi bắt phải nhớ mà viết ra không được trông vào sách: thế thì hát bội cũng là nhớ những điển-tích cũ mà diễn lại. Nhưng chưa biết nghĩa nào là phải; dù sao, ở tên sách, không nên viết chưa như thế, có thói bắt bẻ gì, nên moi ở trong sách thì học. Vẫn biết rằng xưa nay quen nghe chữ « bội », bây giờ thấy, viết chữ « bộ », thì cũng tổng là mất chữ « bội », mà thôi, cho không quan hệ gì: Nhưng những chữ phá-nghệ như thế không nên đổi. Xem như tiếng Pháp có chữ



« terre-plein » nghĩa là cái nền ở trong hai tường thành, vì là chữ riêng của nhà nghề, nên tự-vị Littré chỉ chưa plein là nhà-v: chính phải viết plain mới đúng, vì chữ plain vốn là chữ la-tinh, ở chữ planus nghĩa là phẳng, không phải ở chữ plenus nghĩa là đầy. Song chữ « terre plein » đã thông dụng không đổi là « terre-plain »; dù nhầm cũng không nên đổi kéo người ta cho là lập dị.

Đến trang 45, ông Đoàn-Nồng nói xiêm-giáp của phường hát bội giống xiêm giáp của các quan: câu ấy không chắc đúng, vì hát bội là diễn lại sự-tình cũ, đã diễn lại thì tất nhiên Phục-sức phải hơi giống, hơ. giống chữ không tạc giống. Còn như ông nói có

người bảo rằng xiêm giáp của phường hát bội bắt-chước trào phục đời Hán cũng không lấy gì làm lạ, vì cứ theo sử Tàu, đời Hoàng-đế đã biết chế mũ miện và áo mũ huyền, xiêm mũi vàng, xỏ ra đời Hoàng-đế trước, kỹ-nguyên đến hơn hai nghìn năm, mà cái kiểu mũ miện ấy vẫn được không từ đã có râu khèn mà đến nay vì ta thấy còn dùng, vậy thì ta theo văn-hóa Tàu ngày nào tức là ta theo kiểu phục-sức từ ngày ấy, chứ không phải từ đời Hán.

Giả ông Đoàn Nồng lấy sách tây ra mà tham khảo, thì quyền của ông được đủ lớn. Sách H. L. G. Arlington, *Le théâtre chinois depuis les origines jusqu'à nos jours*; Tsiang Un-kai, *K'ouen k'iu, Le théâtre chinois ancien*; A. Jacovleff và Tchou Kia-kien, *Le théâtre chinois*; G. Soulié de Morant, *Théâtre et musique moderne en Chine* v.v., là những sách tra khảo về nghệ hát bội của Tàu, có nhiều đoạn rõ ràng là n. nghệ hát-bội của ta cũng như nghệ khác, là theo Tàu, nên cần phải phân nhiều so sánh.

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỬ

Đã có bản

NGÔ VƯƠNG QUYỀN

Lịch sử ký sự một của TRẦN THANH MẠI

Những giai-đoạn oanh-liệt lý-ký trong đời một vị đại anh-hùng Việt Nam - Cuộc chiến đấu trường kỳ của thiên với ác - cũng là sự gieo-vật máu đỏ lập nên nền độc lập cho quốc Việt Nam - Bất hịch đánh quân xâm phạm - Trận kịch đấu đẫm máu

Sách dày 250 trang. Giá 4\$80

TẠP-CHÍ VIỆT - 28 - LAMBIOT - HANOI

Còn một li

Vương dương Minh - 13\$80

Nguyễn văn Siêu - 2\$00

Truyện di thư ông quyền li - 4\$50

Chính trị đại cương - 3\$70

Triết học Descartes - 4\$50

Sắp phát hành

Hát dặm Ngạn Linh của Ng. đông Chi

Thơ Đỗ Phủ bản dịch của Nguyễn, Tống

ĐẠI-NAM DẬT-SU

Số 85

Ứng-hoà NGUYỄN VĂN-TỐ

Ngô Vương Quyển

Sử ta khen Ngô Quyền là người biết báo thù cho cha, trả nợ cho nước, nhất cử lưỡng đắc, công tư hai việc vẹn toàn, thật đáng lưu phương thiên cổ.

Ngô Quyền là người làng Đường-lâm, thuộc châu Phong (nay là xã Cam-lâm, huyện Phú-thọ, tỉnh Sơn-tây), đời đời là nhà quý-tộc, cha là Ngô Mân làm quan mục châu Phong. Tương truyền khi sinh Ngô-Quyển, có ánh sáng đầy nhà, trạng mạo khác thường, trên trán có ba nốt ruồi; thấy tướng xem lấy làm kỳ-dị, bảo rằng sau sẽ làm chủ một phương, bèn đặt tên là Quyển. Đến khi lớn, mặt mũi khôi ngô, mắt sáng như điện (chớp) đáng đi khoan thai như hổ, có trí dũng, sức có thể nâng vác tay không. Khi Dương-diên-Nghệ đặt trường giao-diệt (tạp vật), không ai địch nổi Ngô-Quyển » (Khâm-định-việt-sử, tiền biên, q. 5, tờ 18 a, và Đại-việt-sử-ký cải lương, q. 1, tờ 61 a).

Đây là theo sử chữ nho; nhưng không cứ phương đông hay phương tây, phạm người tại-giới, thì thường nói là có hào-quang; duy có nốt ruồi là điểm riêng của phương đông, phương tây không nói đến. Bài này là « dật-sử » nên chép ra để nghe cho vui. Chính thực ra chép như thế không phải, vì nếu lúc mới đẻ, giới đã sinh ra điểm là, thì còn gì là tài-giới nữa? Nhưng lẽ chỉ nên chép Ngô-Quyển là người khôi ngô, có trí dũng, thế thôi.

Ngô-Quyển bắt đầu làm Nha-tướng của Dương-diên-Nghệ (sử ta và sử tàu đều chép là Dương-diên-Nghệ, duy Khâm-định-Việt-

sử của ta và Cương-mục của Tàu chép là Dương-diên-Nghệ).

Nghệ thấy tài giỏi, đem lòng yêu, gả con gái cho, sai coi châu Ái.

Đến khi nghe Kiều-công-Tiến giết Dương-diên-Nghệ, bèn khởi binh ở châu Ái, đem giết Công-Tiến, khởi binh vào tháng 12 năm Mậu-tất (938) tức là năm thứ ba nhà Thuận-phúc đời Lý-Dao-tổ bên Tàu.

Công-Tiến nghe Ngô-Quyển khởi binh, sai sứ đem của hối lộ để cầu cứu với Nam-Hán: chúa Nam-Hán là Lưu-Cung (tức Lưu-Nham, sau đổi là Cung, sau lại đổi là Nghệ-an) muốn thừa cơ nước ta có loạn để xâm-lấn bên phong cho con là Hoảng-Tháo, nguyên trước vua-vương đời phong làm giao-vương, lĩnh châu Tĩnh-hải-quân tiết-độ sứ, đem quân sang cứu Công-Tiến, còn Lưu-Cung thì đóng quân ở cửa bể để làm cứu-viện. Khi đi, Lưu-Cung có hỏi mưu-kế ở Sung-văn-sử là Tiêu-Í-h, Tiêu-Í-h thưa rằng: « Độ này mưa dầm đã lâu ngày, đường bề hẻm trở xa xôi, Ngô-Quyển là người kiệt-hiệt chớ nên khinh tu. Đại-quân nên phải trọng-phải dùng nhiều hướng-đạo, rồi tăng liên binh ». Lưu-Cung không nghe, sai Hoảng-Tháo đem thuyền quân từ sông Bạch-dăng đi vào. Lúc ấy Ngô-Quyển đã giết Công-Tiến, nghe Hoảng-Tháo sắp đến, bảo tướng tá rằng: « Hoảng-Tháo là một đứa ngây dại (silly), đem quân đường xa đến, sĩ tốt mỏi mệt. Lại nghe Công-Tiến đã chết, không người nội ứng, cái kiệu mạnh đã bị nhứt, ta thừa cơ lấy sức thông thả đối-địch với sứ đã mệt mỏi, chắc

là được. Nhưng kẻ kia giỏi về quân-thủy, nếu ta không phòng bị trước, thì cái kiệu được thua cũng chưa biết chừng. Nếu sai người ra cửa bể trước, (tức Bạch-dăng) giồng ngấm cọc lớn, vớt anón dẫu, bị sát, thuyền kẻ kia theo nước triều triều bơi vào trong cọc, rồi sau mới dễ trị. Không có mưu-kế nào hơn thế. Bấy giờ mới sai người ra giồng cọc ở cửa bể Bạch-dăng. Khi thủy-triều lên, Ngô-Quyển sai người đem thuyền nhẹ khêu chiến, giả cách thua. Hoảng-Tháo quả nhiên đem hết quân đuổi theo, thuyền Nam-Hán theo thủy-triều tiến vào hết cả. Ngô-Quyển bèn ra quân tấn công; thủy triều lui rất chóng, thuyền đều bị vướng cọc úp bể. Trong khi hoảng-hốt, quân sĩ chết đuối quá nửa. Ngô-Quyển thừa thắng tiến đánh, bắt Hoảng-Tháo giết chết. Lưu-Cung than khóc rồi thu nhặt những quân sống sót đem về (k. đ. v. s. tiền biên, q. 5, tờ 18 a, đến 19 a, và Đại-việt-sử-ký, tiền biên, q. 7, tờ 3b và 4a).

Đại-việt-sử-ký cải lương, (ở 61b) bản rằng: « Hoảng-Tháo vượt khỏi nước, đi xa ra ngoài biên-chương, « Pó rồi giết Công-Tiến không? Không, rồi thừa cơ lấn đất Nam-Hán thôi. Ngô-Vương đánh một trận ở Bạch-dăng, bại, thành lũng-lẫy, giết Hoảng-Tháo là còn được đất nước Nam đây. Từ bấy giờ trở đi, Tĩnh-hải-quân không cheo lá rơi đồ-hộ nữa, sông Lô non Tân, rợ-giang là cơ-nghiệp cho Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê lâu dài. Ấy trận này là cội gốc đó! Võ-công tốt đẹp, rực-rỡ nghìn xưa, không những khoe khoang mặt thời bấy giờ mà thôi đâu! »

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN VĂN-TỐ

Tài-liệu đề thi

Số 57

hình ảnh bài văn cổ

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TÔ

XXXV. Kim-Vân-Kiều
(bài nổi)

Bản quốc-ngữ của ông Nguyễn Văn-Vĩnh in lại lần thứ sáu năm 1920, chép câu 1373 và 1374 như sau: « Cây người thấy thợ, mượn người dò-la » (ở trang 94). Đến bất-in năm 1943 do thư-xã Alexandre de Rhodes xuất bản (trang 344) thì hai câu ấy chép là: « Chén hòa sấp, sấp hai hai, Cây tay thấy thợ, mượn người dò-la »; hai câu ấy mới đúng với bản chữ nôm. Nguyễn Thủ-sinh đã đem Kiều giấu một nơi, nói dối là đến nghỉ mát ở nhà Vệ-hoa ở trong, rồi sai Bộ-Tân đến dụ Tú-bà. Lễ không bằng lòng cho chuộc thì sẽ kiện Tú-bà để người lương-thiện lập nghề kỹ-xưởng: từ là « chiến »; nếu cho chuộc thì rút đơn ra, tức là « hòa »; « thấy-thợ » là Vệ-hoa ở trong, « dò-la » là Bộ-Tân, (thua theo quyền Vương Kim-diễn tự bản, sao của Bạc-cổ, số A B 231, tờ 40 a).

— Bản quốc-ngữ (tr. 91), và Kinh-bản của cụ Kiều-oán-Mậu (tờ 33 a), cả Vương Kim-diễn tự đều viết « Hoàn-lương một thiệp thân ào cửa công »; phươg-bản Quan-văn-đường (tờ 44 a) viết là « Hoàn nguyên »; chữ ấy nhầm, có lẽ cho là chuộc theo nguyên-giá, nên mới dùng chữ « nguyên »; chính chữ « hoàn-lương » mới phải; chữ Hán có câu « Kỹ giả nhĩ, vị hoàn-lương », nghĩa là kỹ-nữ lấy được chồng gọi là hoàn-lương; nghĩa đen hoàn-lương là trở về lương-thiện.

— Các bản đều viết: « Hương càng đượm, lửa càng nồng. Càng xoi về ngọc, càng lồng màu sen »; duy bản Vương Kim-diễn tự (tờ 40 a) viết: « Hương càng ngát, lửa càng nồng, Càng lồng vẻ ngọc,

càng lồng màu sen ». Có lẽ chữ « lồng » hay hơn.

— Bản quốc-ngữ (tr. 95) viết: « Giã thu vừa lấy rồi sương, Xé bỏ đã thấy xuất đường đến nơi »; Phươg-bản và Vương Kim-diễn tự viết: « Trâu thu vừa này rồi sương, Gối yên đã thay thôi g-đường đến nơi »; Kinh-bản viết « côi sương » và « côi yên ». Chữ « trâu » (trên kia là tiếng Nghệ nói cái giầy, kinh-bản và Vương Kim-diễn tự đều dẫn theo: câu này tả cảnh thu; câu dưới nói thân phụ Thúc-sinh tới nơi; khi mới đến, mà xuống ngựa, thì « côi yên » phải hơn là « gối yên ».

— Câu « Phươg-lời nói rạn bời, Nặng lòng e-ấp tình ba phần chia. Quyết ngay biệt ba h mộ bo, Dạy cho má phấn lại sô-lầu xanh » đây là nói bố Thủ-Sinh thấy Thủ-Sinh lấy hiền, bắt phải bỏ thế mà lại « Nặng lòng e-ấp »! Cụ Kiều-oán-Mậu nói tại Hoan-lưu là con gái trẻ tuồng, nên dùng chữ « e-ấp ».

— Quốc-ngữ, phươg-bản và Kim-Vân-Kiều chữ (bản sao của Bạc-cổ, số A B 231, q. 2, tờ 24 a) đều viết: « Lọng trên quyết chẳng thương tình ». Kinh-bản (tờ 36 a) và Vương Kim-diễn tự (tờ 40 b) viết là: « Lọng trên đầu chẳng thương tình »; chữ « đầu » phải nguĩa hơn.

— Quyền quốc-ngữ (tr. 95) chép: « Bạc-diễn mọi có tiếc mình làm-chu » rồi chép rằng: « Bạc là đi trộm mình, diễn là thất cổ (Bạc-thủy-diễn-văn). Bạc đen cũng có nghĩa (Bạc tình hân tâm) ». Các bản nôm đều theo nghĩa « bạc đen » cả.

— Quyền quốc-ngữ và quyền Quan-văn-đường (tức phươg-bản) viết là: « Sốt gan ông mới cáo qui cửa công ». Quyền Kim

Vân-Kiều chữ viết là « cáo bờ cửa công ». Vương Kim-diễn tự viết là « đơn qui ». Kinh-bản viết là « thân qui ». Mấy chữ cùng giống nghĩa nhau; nhưng theo kinh-bản đọc là « thân qui » thuận nghĩa hơn; theo lối việc quan, người dúi đưa lên người trên gọi là « thân », nghĩa đen là đuổi ra nghĩa bóng là bầm, là trịnh-thư.

— Các bản đều viết: « Song song vào trước sân hoa lay qui ». Kinh-bản (tờ 38 a) viết chữ « ri qui » và chưa hiểu « ri » nghĩa là rã-rỉ; có lẽ cho nghĩ hai người cùng ri; nhưng khi đọc lầm.

— Quốc-ngữ và phươg-bản viết là « Ba cây chập đạ một cảnh mã-đon ». Kinh-bản và Vương Kim-diễn tự viết: « Ba cây đồng chặt »; chữ « đồng chặt » phải hơn, bởi vì ba cây là cái gông: trong khi ra hình, thì dùng chữ « đồng », chữ « chặt » mới phải; nếu mới « lợp lại » thì không hợp với câu « Cờ phép ra hình » ở trên.

— Bản quốc-ngữ in năm 1920 (tr. 96) viết « Đáo nhần hổ nật, liễn tan-tác mây ». Kinh-bản (tờ 36 b) viết: « Đáo nhần hổ mã ». Quốc-ngữ năm 1943 (Alexandre de Rhodes, tr. 355) và phươg-bản (tờ 45 b), Vương Kim-diễn tự (tờ 41 b) đều viết: « Đáo hoan-quen mã ». Kể ra chữ « nhần-hỏ » mới hợp với câu trên là câu 1427: « Phạ đàn chi dấm kếu oan »; còn chữ « hoan-quen » có lẽ mới đúng.

Bản quốc-ngữ và phươg-bản chép câu 1433 là: « Khó-rang: Oan-khố vì ta ». Kinh-bản và Vương Kim-diễn tự chép là: « Oan-khố »; câu này chữ « khố » hay hơn. Có lẽ sự trùng với chữ « khố » ở trên, cho nên chép là chữ « khố ».

(Còn nữa)

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TÔ

Cho duyên Dương Tuyết

Bắc ngăm nghìn dặm nên quen, sao mới trắng non, ly hoài,
thơ Dương liễu chép nên, nét vẽ còn ghi duyên tể ngộ.
Sự nghiệp trăm năm lỡ hẹn, vàng dư ngọc sót, truy niệm,
báo Trí-Tân đồ lại, giọt sầu đầm ướt lập văn chương.
Kính viếng hương hồn anh Lê Thanh.

MỘNG TUYẾT

Cách đây đã năm năm. Năm năm mà còn nhớ rõ như mới hôm nào.

Hôm đó là một ngày to lớn của Hà-nội. Từ ngoài biên thùy mới bắt đầu đưa lại cho đất kinh thành một mùi đêm-sinh mới bén. Lòng giải đất này mới biết nhôn nhao. Lòng người cũng mới biết nhôn nhao. Trời đất hôm đó, nhìn có một màu sắc lạ.

Hôm đó là hôm đầu tháng chín 1939. Mấy câu mở lời bản ngâm khúc của Đặng Trập-Cộng tự nhiên được mọi người nhớ tới.

Ở một hiệu ăn nhỏ phố hàng Da anh K và anh C, đã tổ chức một bữa tiệc phạn. Trong lúc các bạn vội vàng chuốc chén rượu đưa bạn quay về Nam thì anh Lê Thanh bước vào.

Là một văn nhân tâm-thước, nhả nhặn, dăm dúa và dưng-lăn. Đôi kính trắng học giả rồi trên khuôn mặt đẹp và hiền của một thư sinh thời cổ.

Cuộc hội ngộ lật đặt và ngấm ngấm như ngày giờ của khách qua Hà-nội mấy hôm đó. Một cái bắt tay, nói vài ba câu chuyện, anh Lê Thanh ký tặng bạn Hà tiên quyền *Thức Trăn Đủ* đề « kỷ niệm cuộc gặp gỡ đầu tiên ở Hà-nội »

Rồi thì anh đi sở, còn bạn Hà tiên chúng tôi thì lếch thếch sắp sửa khăn gói đề lều chuyển xe tõe lảnh về Nam ngay chiều hôm đó.

Anh Lê Thanh không dành được nhiều ngày giờ cho bạn phương xa, mà bạn phương xa cũng không thể lưu luyến đất cố đô van vại.

Vì thế mà bữa trưa hôm đó vừa cạn chén rượu tương phùng vừa ngậm ngùi nghĩ vãn thơ:

Hồ Gươm liễu rủ tư sầu biệt ly...

Bữa sáng sớm hôm 19 novembre 1940 trên con đường Le grand de la Lirage Saigon, Mộng Tuyết đang sắp sửa ra xe về Hà tiên thì bất ngờ lại gặp người bạn quen có đôi kính trắng của Hà-nội năm trước: Anh Lê Thanh vừa mới xuống xe lửa vẫn diêm phùa và vẫn dưng hoàng, đang đi tìm một nhà quen ở phố cũ.

Lại một cuộc « mã thượng trường phùng », một chén trà diêm tâm quý ấy quá đề mà từ gã n'ho. Hẹn rằng Hà tiên Hà-nội còn có « gặp gỡ » ở Saigon Hà tiên non nước đã tỏ xa xôi gì.

Vấn mà « Cải giáo » sinh kế trước sau chưa có bao giờ nó ong ong đến « tình bạn », đến những cuộc họp mặt trong chỉ

có một chén rượu ngọt, một điều thuốc lá thơm. »

Cho nên « Tôi đã ra Bắc rồi chị ạ, chắc nhận được thư này chị ngạc nhiên... »

Anh Lê Thanh đã về Bắc với niềm thỏa mãn của một tâm hồn hoài cổ: « Tôi cần phải ở một xứ có cả mùa thu và mùa đông, tôi muốn ở một nơi mà dĩ nhiên thoải còn được gặp một cây liễu, một ngôi chùa cổ có cả tượng phật và rêu. »

Trên đó là những lời trong bức thư đầu tiên anh viết cho Mộng Tuyết ngày 25 juillet 1941 đề báo tin anh đã ra Bắc đề làm mọi giờ cho duyên văn tự của Mộng Tuyết với tạp chí Trí-Tân anh đang cộng sự.

Bài « Dương liễu » của Lê Bích Ngộ do Hà tiên Mộng Tuyết kể và « Chiều » đăng trên báo Trí-Tân, số 16 ngày 26 septembre 1941 đã nhờ anh Lê Thanh trông nom cho việc ấn loát, việc khắc bản gõ nguyên văn chữ Hán.

Khi nhận được bài thảo bài Dương liễu từ anh có thư về báo:

« Chỉ nhớ rằng tôi thích cái bài ấy quá, phải chăng, tôi đã là một tâm hồn phiêu lãng say mê gió bụi giương hồ, một bước ra đời không nghĩ đến »

BIA VĂN MIÊU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 86

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa nhâm-tuất (1502), có 24 ông đỗ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất thân, kể tên sau này:

1. — **Phạm-khiêm-Bính**, người xã Lâm-sou, huyện Quế-dương, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Năm binh-dần 1506, ông cùng với ông Lê San (đỗ bằng-nhôn cũng khoa) bị truất làm hiến-sát-sứ trấn Hải-dương. Năm canh-hợi 1510 thăng thiếp đồ ngự-sử. Năm己-t-hợi 1515, Phùng-Chương ở Sơn-tây giữ núi Tam-dảo làm loạn: vua Lê Tương-dực sai Thụy-quân công là Ngô-Bình, Nguyên-quân công là Trịnh-dụ-Sản làm đô-tướng, đô ngự-sử là Phạm-khiêm-Bính làm tể-lý quân-vu, cùng đi đánh; Phùng-Chương thua chạy trốn (*Kiến-dịch Việt-sử*, quyển 26, tờ 24a-b). Năm mậu-dần 1518, vua Lê Chiêu-tông sang Gia-lâm, ông Phạm-khiêm-Bính đang làm Kinh-bắc thừa tuyên-sứ, yết kiến vua Chiêu-tông ở hành-lại ở làng Dương-quang, ông dâng mệnh dem' tượng để cấp cho quân (*K. đ.*, q. 26, tờ 39 b). Ít lâu được thăng thừa-chánh-sứ Nghệ-an, rồi được triệu về. Mùa xuân năm canh-thìn 1520, giặc ở biên-giới Tuyên-quang nổi lên: vua sai ông làm tể-lý quân-vu, cùng với Quỳnh-khê hầu là Vũ-Hộ đi đánh, dẹp yên. Mùa xuân năm 1521 tháng Lê bộ

thượng-thư (*Đặng khoa lục*, q. 1, tờ 52b, chép là Hộ-bộ thượng-thư, kiển đồ-ngự-sử), thạm-dự triều chính. Mùa thu năm nhâm-ngọ 1522, vua Chiêu-tông lại xuất ng'ại: ông xin về Bắc-giang khởi binh cản vương, đánh nhà Mạc. Khi Mạc Đăng-Dung bắt vua Chiêu-tông về kinh, ông bái yết: Đăng-Dung giận, truất làm Hộ-bộ hữu-thị-lang. Sau ông bị bệnh mất; trước, sau không chịu theo Mạc. Là ông nội Phạm-ngân-Toát, đỗ đồng-tiến sĩ khoa 1571 (*Đặng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 12b).

2. — **Nguyễn-văn-Kiệt**, người làng Mĩ-xá (Nghĩa-xá), huyện Ngự-thiên, phủ Tiên-hung, trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến thêm-đồ ngự-sử. Người ta khen tiết-ngĩa. Sinh ra Nguyễn-Dự, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1508. (*Đặng khoa lục*, q. 1, tờ 52b; *Đặng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 29a).

3. — **Nguyễn-dụ-Minh**, người làng Thượng-cốc, huyện Gia-lộc (Trường-tân), phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ năm 1502. Làm quan đến tham-chính. Sinh ra Nguyễn-dịch-Ghê, đỗ đồng tiến-sĩ năm 1529 (*Đặng khoa lục*, q. 1, tờ 52b; *Đặng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 37b).

4. — **Nguyễn-Kim**, người làng Thạch-lưu, huyện Yên-lão, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương. Năm 33 tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến hiến-sát-sứ. Truy tặng hữu-thị-lang. Sinh ra Ng'ân-đốc-Tin, đỗ nhị giáp năm 1514, và Nguyễn-chuyên-Mĩ, đỗ đồng tiến-sĩ năm 1514 (*Đặng khoa lục*, q. 1, tờ 52b; *Đặng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 89a-b).

5. — **Doãn mậu-Khôi**, người làng An-duyên, huyện Thượng-phúc, phủ Thường-tín trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Mùa đông năm định-mão 1507 hiệu Doãn-khánh, đang chức Hàn lâm kiểm-thảo, sung chức phó-sứ sang phá Minh-ta về việc dụ tế Duệ-hoàng (Lê Hiến-tông, 1497-1504). Sau làm quan với Mạc đến Lê-bộ-thượng-thư, kiểm coi việc Hàn-lâm, tước Tương-an-hầu. Có con gái làm cung-phu nhà Mạc. Là cháu Doãn-hoảng-Tuấn, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1478; ông nội Doãn-Đàm, đỗ tam giáp khoa 1586 (*Đặng khoa lục*, q. 1, tờ 52b; *Đặng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 23 a-b).

6. — **Nguyễn-tử-Trọng**, người làng An-ấp, huyện Hương-sơn, phủ Đức-quang, tỉnh Nghệ-an. Năm 18 tuổi đỗ đồng-tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến đồ-ngự-sử (*Đặng khoa bị khảo*, q. Nghệ-an, tờ 29 a-b).

7. — **Chữ-thiên-Khải**, người xã Cối-giang (Hội-phù), huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1502. Làm quan đến tham-chính, truy tặng Lại-bộ

hữu-thị-lang, tước tương-sơn-bá. Con ông¹ Chử-Phong, đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1472, ông nội Chử-sur-Đổng, đỗ nhị giáp khoa 1514, tăng-tổ Chử-sur-Văn, đỗ tam-giáp khoa 1544 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh-bắc, tờ 32a). Bộ *Khâm-định Việt-sử* (q. 26, tờ 38a-39a, và tờ 40a) chép hai đoạn sau này nói về ông Chử-thiên-Khải: « Năm Quang-thiệu thứ hai (1517) đời Lê Chiêu-Tông, Trần-Chân đã đuổi được Nguyễn-Hoảng-Dụ, ruyền ở cả trong tay. Mạc Đà-Dung cũng sợ, cho con là Đàng-Doanh lấy con gái Trần-Chân. Lúc bấy giờ có người hiểu sự đặt câu ca rằng: « Trần hữu nhất nhân, vi thiên-hạ quân; thỏ dầu hổ vĩ, tế thế an dân », nghĩa là họ Trần có một người, làm vua thiên-hạ, dầu thỏ đuổi hổ, giúp đời yên dân. Vì thế quốc-cử (cậu vua) là Chử-Khải cùng Thọ-quận-công là Trịnh-Hựu, Thụy-quận-công là Ngô-Bính, bàn nhau rằng: « Họ Trần có một người », tức là Trần-Chân, « dầu thỏ đuổi hổ », tức là cuối năm dần (hổ), đầu năm mao (thỏ), năm này (tức mậu-dần) sợ có loạn, khuyên vua nên liệu sớm. Đến khoảng tháng 7 năm mậu-dần 1518, vua Lê Chiêu-tông vời Trần-Chân vào trong cung cấm, rồi truyền đóng các cửa thành, sai lực-sĩ bắt Trần-Chân. Trần-Chân chạy lên trên thành: người giữ cửa thành, bắt được Chân, chém luôn. Bộ-tướng của Trần-Chân là bọn Hoàng-đuy-Nhạc, Nguyễn-Kính và

Nguyễn-Âng, nghe tiếng Trần-Chân bị giết, đem quân vào thẳng cửa Đại-hưng: quân giữ cửa chống cự, không vào nổi. Vua Chiêu-tông đem quân đi tuần trong thành, sai đem dầu Trần-Chân bảo cho bọn Kinh biết: bọn Kinh lui về Yên-lãng, rồi lại vào hãm kinh-thành. Nửa đêm vua phải chạy sang Gia-lâm, sớm hôm sau đến làng Dương-quang, vào nhà riêng của chức đô-lực-sĩ là Đàm Cữ; đến trưa vua vẫn chưa có cơm ăn, dân-gia tranh nhau dâng bánh khoai. Lúc bấy giờ Trịnh Tuy đóng ở Sơn-nam, quân hơn một vạn, nghe vua Chiêu-tông đã chạy, đều cho quân dầu về đây. Từ bấy giờ bọn Hoàng-đuy-Nhạc đem bè đảng cướp bóc, trong thành rỗng không. Vua vời Hoàng-Dụ đem quân đi đánh giặc: Hoàng-Dụ còn do-dự không đến... Vua hèn với Đàng-Dung ở Hải-dương. Đàng-Dung vào yết-kiến vua, đem quân thủy ở Nhị-hà, cho là làng Dương-quang hơi xa, xin dời đến Rồ-dề, để quân thủy hồ-thị cho tiện, Đàng-Dung lại mật dụ bọn Nguyễn-Kính, Nguyễn-Âng rằng: « Thiết-sơn (tức Trần-Chân) chết là tại Chử-Khải, Trịnh-Hựu và Ngô-Bính đem phả: nếu giết ba người ấy thì vua tôi lại như cũ, không dám có mưu-toan gì khác. » Đàm Cữ tán-thành. Vua Chiêu-tông bèn giết bọn Chử-Khải để mong ai khởi họa, thế mà bọn Kinh lại càng kiêu-căng¹ hoàn¹ thành¹ »

Trả lời tập-chí

Văn mới (Hàn Thuyên)

Ở cuối số Văn mới ra ngày 25-4-1944, là số 34-35 (tức quyển Xã hội Việt nam của ông Lương đức Thập) có mục « Tin văn » nói về ông nghệ triều Lê. Văn mới in lại truyện ông Lê-Huyền và ông Đỗ-an-Vĩnh đỗ đồng tiến-sĩ khoa 1499, rồi nói mấy câu như thế này: « Đại khái Những ông nghệ triều Lê đều « bị khảo » một cách kỳ càng như vậy cả. Đọc mục Bìa Văn mới ấy, các độc giả (?) sẽ phải tự hỏi: « Diết về quê quán, tên tuổi, chức tước của những ông nghệ kia (1) phỏng có ích gì? »

Có thật « các độc giả » hỏi như thế không? Hay là Văn mới bịa ra để dèm: dưới này tôi sẽ xét. Duy có một điều chắc-chắn, cần phải nói ngay, là độc-giả sẽ hỏi Văn mới rằng: « Nếu bài Ông nghệ triều Lê không có ích gì, sao Văn mới lại dẫn vào số 22 23, ngày 25-11-1943, trong quyển Lê Thánh tông ở mục « Các sách tham khảo », dưới « quyển Việt-nam sử-lược của ông Trần-trọng-Kim? Nếu không ích gì, sao Văn mới lại in ở số 34-35 (trang 314), một câu giống giống như câu Ông nghệ triều Lê? Câu Văn mới như thế này: « Vua Lê-thái-Tổ mở lại trường Quốc-tử-Giám cho con cháu các quan và người thường dạy huấn luyện học đặt lại những nhà học (1) lại các phố (1) và nhà họ. » Cần. ấy, Văn mới in ngày 25-4-1944? »
 1) Xem tiếp trang 16

Tơ duyên Dương liễu

(Tiếp theo trang 11)

học Việt nam hiện đại của anh.

Sao ôi! Bận rộn chẳng được thăm, tang không được viếng, trên đường về Hoàng tuyền của anh, sao Mộng Tuyết không được là một tay chấp phất. Mộng Tuyết sao mà không được dự chút nào trong giờ khắc nghiêm trọng mà buồn rã đã dành cho anh khi sắp xa cái cõi mà ngời ta thường gọi là cõi sống gửi này. Ở một nơi cùng thôn tuyết tái, trong lúc phong yên đã nổi khắp bốn trời, nghĩ đến điều đó thì như có một nhem đau thương chưa sót, hơn nữa là một nỗi ân hận không, khuấy giãi được.

Nguồn lệ trong gia đình học cha và chị hãy còn là đây, nay lại thêm một giọt lệ khác bạn phương trời, Tình thâm nghĩa thiết nghĩ đến câu từ biệt anh ly, người bạn của anh ở chốn buồng thề làm sao mà cầm nước mắt.

Hướng chỉ ngoài duyên vận tự, lấy còn những dấu vết nhận hồng ân, những bức thư uất lức sạch sẽ thường viết bằng thứ nước sơn tươi với nét chữ nhỏ, mau, mà tươi tròn như tơ rồi đó hãy còn mới như những cánh hoa đào rơi trên mặt suối.

Mỗi khi viết dấu chữ Mộng Tuyết và tên người nhận lãnh trên phong bì, anh cố bắt chước theo chữ ký của Mộng Tuyết về cái cảnh trăng non trên chữ tuyết và dưới chữ mộng vẽ một ngôi sao.

Anh đã báo tin cho Mộng Tuyết:

«Tối đã đưa đi khắc cái chữ Mộng Tuyết có một ông giảng và một ông sao kỹ dị ấy, số tiền thuê là năm xu rưỡi, chỉ làm thế nào hoàn lại cho.»

Và anh đã đòi nợ Mộng Tuyết:

«Có một kẻ điếu nhất là một ngày nào đó, đáng lẽ, chị không định viết thư cho tôi nhưng cũng đem viết, thế là trả xong món nợ đó» (Thư ngày 3-9-1941).

Cái công-trình của anh Lê Thanh đã giúp cho thì các bạn quen thời thường có hãy gặp trên những tờ âm tín của Mộng Tuyết đưa gởi khắp bốn phương.

Như thế mà đã ba năm trời nay, Mộng Tuyết cũng chưa từng trang trải cho xong món nợ «năm xu rưỡi» mà đầu anh đã bày cho Mộng Tuyết một điếu kế đề mà sống phăng.

Thực không có gì đáng phàn nàn và hối hận bằng thói chảnh mắng và lấy lắt của Mộng Tuyết đối với bạn bè. «Bức thư không định viết mà đem viết đó» thực thì Mộng Tuyết đã và vẫn nghĩ đến nó luôn, nhưng mà chưa đem ký thác nó lên trang giấy trắng có viền đen mà thôi.

«Cả thơ nghĩ đến đó không viết, Viết đưa ai, ai biết mà đưa.»

Thanh ôi! thực còn viết gởi đưa về đâu được nữa.

Mấy trang giấy này, thiết tha đau đớn nghĩ nhớ đến anh Lê Thanh mà viết, nhưng có phải đâu là một bức thư anh đã đòi, và Mộng Tuyết đã định viết cho anh đọc đó.

Trời ơi! Ai có thể vì Mộng Tuyết mà chuyển giao một bức thư cho anh Lê Thanh thiên cổ được.

Tơ duyên Dương liễu vì báo Tri tân mà vương, đọc tin anh tự thế trên báo Tri tân, khóc anh cũng trên báo Tri tân, thì làm cái công việc của Mộng Tuyết bằng điếu người xưa, anh Hoa Bằng hãy vì

Mộng Tuyết mà sửa một bó hoa trắng, thắp một nén hương, đem đọc trước mộ anh Lê Thanh mấy trang giấy chung quanh viên một khung đen tang tóc này, rồi đốt đi cho khói mịt và tàn giấy bay cuốn quanh năm mờ mịt, đắp.

Còn đôi câu đối viết trên mảnh lụa này thì xin được treo ở một chỗ nào bên cạnh bàn thờ mới.

Thanh ôi! Sao ngày trước Mộng Tuyết không làm theo lời anh Lê Thanh nói, có cái tâm sự Lê Bích Ngô mà không bắt chước Lê Bích Ngô viết bài Dương liễu tân thanh trên lụa tặng anh, để tay anh được cầm nó, treo lên và cuộn lại, như cụ Phan Thanh-Giản ngày xưa theo ý anh ao ước. Mà chỉ viết trên một tờ giấy báo.

Ngày nay cặp đôi khóc anh, Mộng Tuyết lại đem viết trên một bức lụa. Ôi! một sự mỉa mai đau đớn! Bức lụa bạch có nét chữ đen này tự nhiên là không được tẩy anh cuốn mở, nhưng tất sẽ được hương hồn anh chứng giám cho.

Anh Lê Thanh! người bạn gái xa-xôi lau nước mắt mà viết mấy dòng này, thành tâm cầu nguyện cho anh.

Viết ở Mái Trắng non, vườn Muôn hương, đêm mưa Hà tiên, MỘNG - TUYẾT thất tiểu muội

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

Bản sách dẫn về Đại-Nam Liệt truyện

Số 19

Thơ-Xuân LE-VĂN-PHÚC

TÊN HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ QUÁN	Tập (1)	Quyển	Trang	NÓC HỒ
NHÂN 阮 Trần-thúc NHI 兒 Trần-thị NHO 胡 Huỳnh-dinh NHƯẬN 潤 Lê-thị NHUẬN » Nguyễn-dức NHUẬN » Nguyễn-văn NHƯ 如 Võ NHUONG 讓 Trần NHỰT 日 Bùi-văn -23-	sơ danh Bình, tự Hi-nhân sơ danh Điền, tự ban-sảo tự Đồng-phước tự Ngu-quan	Thừa-thiên, Quảng-diêm Bình-thuận Thừa-thiên, Phong-diêm Hương-yên Tân-hóa, Hoảng-hóa Quy-nghĩa, Duy-xuyên Hà-đội, Thọ-xương Thừa-thiên, Quảng-diêm Quảng-trị, Hải-lăng	N N N N N N N N	36 44 41 44 20 41 39 36 41	11a 12a 8a 9b 6a 23b 5a 12b 10a 2b	cũng đọc « Nhu » cũng đọc « Nhật »
O-Ô OANH 榮 Thái-thị ÔN 溫 Bạch-dông ÔN » Hồ-bá ÔN » Nguyễn-xuân -4-	tự Cung-thúc, hiệu Tông-viên	Nghệ-an, Đông-thành Hà-đội, Kim-bình Nghệ-an, Quỳnh-lưu Nghệ-an, Đông-thành	S N N N	29 33 39 39	13a 3a 28b 24b	
PH PHÁC 璞 Nguyễn-tấn PHÁC » Trần-huy PHÁI 派 Lê-thanh PHẠM 範 (không biết họ) PHÂN 藩 Bùi-huy PHAN 潘 Tôn-thất PHAN 潘 Tôn-thất PHÂN 潘 Trương-phước PHÂN 潘 Võ PHÂN 判 Nguyễn-thị PHÁP 法 Nguyễn-cửu PHÁT 發 Đỗ PHÁT » Nghiêm-trọng PHÁT » Nguyễn-văn PHÁT » Ngô PHÁT 發 Phạm-văn PHẨM 品 Lê-bá PHẨM » Nguyễn PHẨM » Nguyễn-kim THẨM » Phạm-bá PHẦN 奮 Nguyễn-văn PHẦN » Trương-phước PHAT 佛 Vi-thị PHI 菲 Phạm PHIÊN 霏 Hà-dây	cũng viết « tả mệ » hiệu Văn-hiền tự Thanh-liên, [hiệu Xuân-dinh] tự Hoàn-phá tự Tử-tuấn tự Tử-trường tự Đức-ninh	Thừa-thiên, Hương-trà Nghệ-an, Đô-giá-thanh Quảng-trị, Hải-lăng Không-giáo Nam-dịnh, Vạn-bản Huế Huế Tân-hóa, Quỳnh-lưu Bắc-thành, Thọ-xương Thanh-hóa Thanh-bắc, Quỳnh-lưu Sơn-nam, Quỳnh-phương Hà-đội, Từ-tếm Bắc-thành, Thọ-xương Bình-dinh, Phúc-t Bình-dinh, Tuy-phước Gia-lâm, Bình-dương Bắc-ninh, Gia-bình Nam-dịnh, Thượng-quyển Bắc-ninh, Đông-quyển Thừa-thiên, Phú-sa-gi Thanh-hóa, Quỳnh-lưu Lạng-sơ, Đức-anh Quảng-bình, Lệ-thủy Thanh-bắc, Hoàng-báo	N N N T N T N N N T N N S N S N S N S T N N	25 29 41 8 34 4 11 11 26 44 4 34 37 26 25 40 12 19 8 34 14 4 41 31 25	26a 10a 12b 14a 0a 18a 13a 19a 13b 5a 9b 18a 13a 14a 2a 11a 2a 5b 1b 11a 10a 14b 4a 17a 9b	con Nguyễn-tấn Lâm con Lê-thanh Bình làm el-cha Nội-tả em Nguyễn-xuân Lương

gđ) T: Tiên-bích, S: Sơ-tập, N: Nhị-tập.

Những ông nghệ...

Tiếp theo trang 12)

còn câu Ông nghệ triều Lê đăng ở Tri tân đã non ba năm nay (ở số 25, ngày 28-11-1941, trang 3, cột 2 thì như sau này :

Vua Lê Thái-tổ ban chiếu trông thiên hạ dự g nhà học để đào-tạo nhân tài, trong có Quốc-tử-Giám, ngoài còn nhà học ở các phủ; vua thêm kén chọn cháu nhà quan cùng những người thường dân tuấn tú cho vào làm học sinh..»

Có phải rõ-ràng Văn mới bắt chước ở bài Ông nghệ triều Lê không? mà bắt-chước một cách vụng-về, như câu « nhà học ở các phủ » chép làm « nhà học tại các phủ »? Lại không nói lấy ở chỗ nào ra, không dẫn vào mục các « sách tham khảo ». Thế mà dám bảo bài Ông nghệ không có ích gì, rồi bịa ra câu « các độc-giả »!

Làm thế nào biết được « các độc-giả »? Dù có mượn được quyền sở phát báo của Tri tân, cũng không biết hết được, vì còn có người mua báo lẻ, có người đọc báo ở các thư-viện.. Thế có phải Văn mới bịa ra để vu-hoặc phỉ-báng không?

Khiêng về tiểu-sử ông Lê-Huyền và ông Đỗ-an-Vĩnh, mà Văn mới trích đăng ở mục « Tin văn », tôi có nhận được hai bức thư của độc-giả hỏi tôi mấy câu sau này : « 1, Có dịch làng Thanh-ngà (tức làng ông Lê-Huyền) ở tỉnh Bắc không? Quyền *Nomenclature des communes du Tonkin* của ông Ngô-

vi-Liên không chép Thanh-ngà ở Bắc-ninh, chỉ chép Thanh-ngà ở Hà-nam, Hưng-yên, Phú-thọ và Thái-bình. — 2, Về triều Lê, huyện Yên-phong (tức huyện Đông-Đỗ-an-Vĩnh) có những làng nào? — 3, Chức chính-đoán-sự (là chức ông Đỗ-an-Vĩnh) đối với chức gì trong quan-chế ngày nay? »

Tuần nào có bài Ông nghệ, độc-giả cũng viết giấy hỏi tôi về niên-hiệu, về quyền-hạn các chức quan lại triều Lê; có người hỏi cả tiếng « bát sử », « điều sử » có phải ở chữ « chánh sử bộ công » mà ra không?

Hiện giờ tôi còn phải trả lời cho 47 bức thư của độc-giả hỏi hơn một trăm câu về Ông nghệ triều Lê, chưa kể những thư của độc-giả viết hỏi Tri tân, chưa kể những người đến tận Bắc-cổ hỏi sao đoạn này đoạn kia trong bài Ông nghệ khác hẳn với gia-phả của độc-giả.

Văn mới không có gia-phả từ triều Lê, nên mới bịa ra những chuyện trên kia; nay tôi đã dẫn chứng phân-minh, nên chữa câu Văn mới, như sau : « Mục Ông nghệ triều Lê không những là có ích cho bạn đọc, lại có lợi cho bạn viết, nhất là bạn viết cho Văn mới ».

Văn biết rằng theo lối mới và theo lối thông-thường của kẻ vu-hoặc, Văn mới nói lấy lại rằng : « Thanh niên hiếu học, lúc này, không chờ ở cụ Ứng-Hồ một công trình khảo cứu vô dụng như thế (?). Họ đòi hỏi ở cụ những cái đúng đắn hơn (?), hữu dụng hơn (?), một công trình khảo cứu kỹ lưỡng

về đời sống xã hội, chính trị, văn hóa của dân tộc Việt nam dưới triều Lê chẳng hạn. »

Nhưng trên kia tôi đã dẫn câu Văn mới « mượn » của Ông nghệ, — « mượn » — mà không dẫn : như thế đủ biết là « tru dụng » hay « vô dụng », « đúng đắn » hay không. Tôi có nói niên giờ còn 47 bức thư của độc-giả xa gần hỏi về Ông nghệ, chưa trả lời kịp; ấy là không nói đến những thư đã trả lời từ trước, cho đủ các giới trong nước, từ ông quan đầu lĩnh, như ông Vũ-dư-Phượng; tuần-phủ Hà-giang, — ông trạng sư tòa Thượng thẩm, như ông Phan-Anh, — cho đến những bậc thanh-niên hiếu-hạnh, như ông Trần-Vĩnh, ở số 13, phố Moine, trong Hà-tĩnh, viết thư ngày 23 Juin 1944, hỏi tôi về cụ tổ tên là Trần-viết-Thư, đỗ tiến sĩ triều Lê, — và thanh-niên hiếu học, hỏi tôi về sách vở của mấy ông nghệ triều Lê, để tra-cứu, hoặc để soạn sách dự thi, v.v. (Tôi xin lỗi độc-giả đã tự tiện biên qui-linh phương danh ra đây, nhưng vì phải trả lời ngay cho Văn mới, nên không kịp viết giấy xin phép độc-giả.)

Văn mới không hiểu những vấn-đề sử-học không biết những sự cần-thiết của sử-học, muốn tôi « khảo-cứu về đời sống xã-hội... »? Sao Văn mới không hỏi ông Lương-dức Phiệp xem quyền Xã hội Việt nam của ông khảo theo lối nào... Tôi sẽ thay ông trả lời rằng việc khảo-cứu thường chia làm hai phần : một phần gọi là phân-tích, tức như bài Ông nghệ triều Lê, một phần gọi là tổng-hợp, tức như quyền Xã hội Việt nam (quyền này sai nhầm những

đàn, đến kỳ sau tội sẽ nổi.) Giá không có sách đề « tham khảo », không có bài Ông nghệ, thì ông làm thế nào được quyền Xã hội Việt Nam.

Văn nói « thanh-niên hiếu học đòi hỏi » một công-trình khảo-thu về « xã hội chính-trị và văn-hóa » là bịa-dặt, mà bịa-dặt một cách khờ-dại, vì thế là tỏ rõ cái kém của mình ra. Thử hỏi xem ai đặt ra chữ « trí », gây nên văn-hóa cho xã-hội Đại-Việt về triều Lê ? Chẳng phải một phần lớn ở những ông nghệ ư ! Vậy phải đọc kỹ mục Ông nghệ, thì biết được xã hội chính-trị trước ta và các bậc danh nhân đời Lê.

Văn mới lại nói: « Họ (tức thanh-niên, hiếu học) muốn rằng cụ nên để cho Những ông nghệ triều Lê mốc meo của cụ nằm yên trong Văn-miền » ! Câu ấy cũng bịa nốt, vì thanh-niên đã « hiếu học » không bao giờ noi những cái vô lễ như thế ! thanh-niên thường nghe nhà làm sử kể lại rằng : « Nếu tôi vùi bỏ trong người tôi một vài cái cảm-thức, một vài cái tư-tưởng, như yêu-mến đất quê-hương, cảm-thoái người đời trước, vui vẻ thấy mình già cỗi đời vào địa vị người đời trước, tại tâm-sự và hành-trạng cũng giống như người đời trước, mà tâm-hồn mình cũng phảng-phất trong sự-tình và sự-việc truyền kỳ của người đời trước. » Nếu vùi bỏ những cảm-thức và những tư-tưởng ấy đi thì không biết mình là gì nữa, không biết mình làm gì ở trên đời này, đến cùng mất cả cái lẽ chính về sự sống. (Si je retirais de moi-même certains sentiments et certaines idées, l'âme-meur du sol natal, le long souve-

venir des anêtres la joie de retrouver moi-même dans leurs pensées et dans leurs actions, dans leur histoire et dans leur légende, je ne saurais plus ce que je suis, ni ce que je fus en ce monde ; je perdrais la principale raison de vivre. — Ernest Lavisse) (1).

Thanh-niên đã biết học không bao giờ bất-kính như Văn mới. Tục ngữ tây có câu « Nhổ lên trời rơi xuống mũi » (J'ai racé en l'air et son crachai lui est retombé sur le nez) ; tục ngữ tàu có câu « Ngậm máu phun người bần miệng mình trước » (Hàm huyết phún nhân, tiền cổ tự khẩu) ; tục ngữ ta có nhiều câu mạnh hơn, không tiện nói...

(Còn nữa)

Ưng hòng NGUYỄN-VĂN-TỐ

(1) Vì nói đến sử học, nên tôi dẫn một câu của nhà làm sử. Cứ thực ra, thì các nhà làm sách có

tiếng. từ nhà sử học, nhà địa học, cho đến nhà triết học, nhà khoa học, đều nói giống như nhà sử học, nhiều câu đã dịch ra quốc ngữ. Như nhà triết học J. M. Gagan nói một câu rằng : « Chúng ta kế thừa ông cha chúng ta không những là kế thừa những việc đã làm nên, mà kế thừa cả những việc chưa làm, cả cái sự nghiệp chưa thành, cả sự cố-gắng hường như là vô ích ; ngày nay nhờ đến những sự tận tụy, những việc hi sinh của tổ-tiền, nghĩ đến những việc cần làm, dù không thành, mà trong lòng ta vẫn rằng động tâm kích. » (Nous héritons non seulement de ce que nos pères ont fait mais de ce qu'ils n'ont pu faire de leur tentative échouée, de leur effort en apparence inutile ; nous sommes sans encore des dévouement et des sacrifices de nos ancêtres, des courages dépensés même en vain.) Thế mà Văn mới định viết câu : « ... Nên để cho những ông nghệ triều Lê mốc meo ... nằm yên trong Văn-miền » ! Thật là Văn mới (Hàn Thuyên) có tội với quốc-gia.

TU SÁCH NGÀY MỚI

Đại Học thư xã trình bày?

Đã phát hành: **VĂN HỌC và TRIẾT LUẬN**

bà Mộng Sơn viết

— Căn cứ vào triết học, lịch sử, tác giả nghiên cứu về vấn đề phát triển trên thực-trạng của xã-hội Việt-Nam. — Giá 2\$50

Sẽ phát hành

KHÔNG GIÁC VỚI ÔNG ĐÀO-DUY-ANH

nguyên-tử của Nguyễn uyển Diễm giá 3\$00

VIỆC và SỐNG.

đ. Bình luận về văn chương Việt-Nam hiện đại của Nguyễn xuân Huy

VĂN CHƯƠNG và XÃ HỘI

nguyên-tử của Lê Quang đưa Thiệp

Còn một ít : **MẸ TÔI** tiểu thuyết truyện kỳ

của Nguyễn khảo Văn giá 3\$80

ĐẠI HỌC. THƯ XÃ 181, Henri d'Orléans Hanoi.

Boite postale N 9 Catin-dor : L. K. MONG-CAU

Bón năm trên đảo Cac-ba

của VÂN-ĐÀI

Năm 1935, lần đầu tiên ra Cac-ba, chúng tôi thuê một chiếc thuyền rồi bắt đầu đi từ bến Sáu-kho.

Chiếc thuyền gỗ, mũi nan, đứng định đưa gia-quyển chúng tôi ra khỏi Sông đảo, đến cửa Nam-triệu. Hầm ấy vào một sáng bẽ, vòm trời xanh đậm màu lơ, và khi trời đã bắt đầu oi ả. Một ngọn gió đưa từ xa lại, chiếc buồm treo trên cột thuyền, thong thả quay ngang. Người chủ thuyền phàn nàn: « Hôm nay lại ngược gió! »

Nhưng tiếng bâng quơ ấy, tôi nghe không một chú ý gì, nhưng sau này tôi mới hiểu là, mỗi chuyến đi ngược gió là một chuyến chật vật.

Ra khỏi cửa Nam-triệu, nước sông đã pha màu nước biển, sắc nước trở nên hơi trong-trong, thuyền đã bắt đầu lao-đao bởi những cơn sóng nước.

Cửa Ninh-tiếp lần lượt hiện ra trước mặt tôi một cách hững hờ và chậm chạp. Xa xa một bãi cây xanh và rất thấp, một thứ cây riêng mọc dưới nước mặn mà quanh năm vẫn xanh, vẫn sống nhưng vẫn lè tè, cò thế thôi!

Sau rừng cây con con và chằng chịt như một bức thành cổ, một rặng cây khác xanh tươi hiện ra, chen lẫn vào những mái nhà lợp ngói đỏ và tường quét vôi trắng xa gần như một bức họa.

Ninh-tiếp là một đồn của nhà Đoan, người ta đặt ra ở đây, để đề phòng bọn buôn bán gian lận, đi về ngang tắt trên con đường này

Chậm, chậm tiến lên, thuyền dần dần xa bến. Gió bắt đầu vào thuyền một thứ không-khí khác thường, nhưng rất trong-sạch. Không-khí này quen với tôi lắm. Chỉ một chút gió phớt qua, một chút lạnh lùng đưa lại, lòng tôi đã gây-gây lên một cơn sốt nhẹ nhằng, nhưng sôi nổi đề tha-thiết những cái gì cao cả mong menh của vũ-trụ, những cái gì chân thật, vĩnh viễn, không giả dối, không khinh hạ của loài người. Phải chăng là gió với mây, trắng với nước, là bạn chí thân của những tâm hồn ăn dật?

Luồng gió ngược đã bắt đầu thổi mạnh, ngăn trở chiếc thuyền trên luồng sóng cả. Thuyền cố lách mình, len vào gần đất. Bến Cát-hải đã lần lượt hiện ra trước mắt chúng tôi: một màu cây xanh và mát. Đây là nơi làm nước mắm, thứ nước mắm mà phường Vạn-vân vẫn chở thuyền đi bán khắp nơi. Một doi bờ phong phú phần thịnh, đã phô ra trước dự khách, những nếp nhà ngói kiến cổ, những con đường sạch và trắng, chen chúc giữa đám cau và chuối xanh xanh nhưng vụng-về như một cô con gái nhà giàu xứ quê, e lệ ra mắt khách lạ. Nghề làm cá ở Cát-hải đã cho một số đông dân ở đây được no đủ, sống đời thái-bình và ít phải tranh chấp. Nếu không cần đem nước mắm đi bán khắp nơi, để làm giàu thêm cho các nhà chế tạo nước mắm, Cát-hải có thể sống riêng một cõi an cư lạc nghiệp, như đời xưa không cần đến ai.

Qua Cát-hải là đồn Bá, một đồn cuối cùng của nhà Đoan trên doi đất này với một cái tên hơi lạ, chính thực tên ta là đồn Bái (một đồn cuối bãi Cát-hải).

Thuyền bắt đầu ra khơi, nước biển đã duộm màu ngọc thạch xanh ngắt, có ý bảo cho ta biết đến đây bề dẽ đoạn tuyệt với đất liền ra lần.

Hai cánh buồm trắng tròn thuyền đã treo cao từ lâu, hai anh em người lái thuyền như hai vị anh hùng đứng, chỉ huy giữa một trận chiến đấu thuyền và sóng.

Chiều gió ngược làm cho thuyền đi càng chậm và sóng lại càng to. Chiếc thuyền lúc nào cũng cố gắng để vượt qua cơn sóng không-lỡ sắp đến. Những đợt sóng « lừng » đã khởi-sự nao lên, có ý biến cho du khách ném một trận vật lộn êm đềm, nhưng lao đao đến cực điểm. Ai là người đã đi bề nhiều, chắc hẳn đã biết qua một cơn hành-hạ của Thần Sóng, mà nhất là sóng « lừng », cái tên đủ làm cho khách hàng-hải phải cau mặt.

Bạn đừng sợ khi thấy chiếc thuyền chòng chành, nghiêng bèo này ngã bên kia, làm cho thân thể bạn bị lắc lư như người lên đồng, một khi bị thánh ộp. Nhưng cái đã đưa nao-nao ấy chỉ đủ làm cho bạn hoảng-vàng hay nôn mửa... Bạn cũng đừng sợ, khi thấy thuyền nghiêng hẳn sang một chiều làm cho bạn đứng mất, bỗng đứng như người bị dưng dưng dậy, bạn có thể tưởng rằng thuyền sắp ụp xuống khi bạn trông thấy đã buồm ngã thẳng ngang mặt biển.

Sóng « lừng » không cho ta những cảm-giác ấy, nó chỉ là những đợt sóng to, từ bề xa đưa

lại, đi ngấm dưới mặt nước, rồi khi vướng phải vật gì, sức mạnh của nó có thể bung hẳn vật ấy lên cao, cho đá sòng đi qua, rồi, mặc cho vật ấy tự rơi xuống.

Liên tiếp không thôi, những đợt sóng ngấm ngấm, chiếc thuyền nhỏ lên, hạ xuống trăm ngàn lần.

Khách nằm trong thuyền không khác gì một quả bóng tròn, độ tay một cái bẻ luôn luôn đáp chũm nó nảy lên quá mặt đất, rồi lại lấy tay đè ập nó xuống, chờ cái nảy khác đến tay, để tìm thú vui trong cuộc chơi. Người ta ở đây, không phải là vật vô-tri như quả bóng, nên trước sức mạnh vô cùng của vũ trụ, người ta đã không một sức gì chống cự, không một khi giới gì tự vệ, mà đành phải chịu một trận đòn êm dịu, như bị rần trên đệm bông lòn.

Ba giờ đồng hồ vật vờ giữa bề, chiếc thuyền đã từ từ lìm vào bến Các-ba. Lúc ấy trời đã quá chiều, gần ngã về tối.

Cửa bè con con của Các-ba đã mở cho ta một trời yên lặng. Bến Các-ba bề bề như một chiếc gạt vàng, mở rộng hai tay để cho chõ những con thuyền phiêu bạt. Bao bọc chung quanh những giải núi xanh, Các-ba đã lọt vào giữa lòng khu đất ấy. Tất cả trông như một cái vòng tròn, trước vòng tròn mở ra một cửa đón thuyền ra vào; thật là một nơi rất an ổn cho thuyền bè

trong những ngày sóng gió (người Khách đã cho đây là một nơi rất đắc địa theo thuyết địa lý họ có thể sống đời đời an ổn ở chỗ này).

Rải rác dưới chân núi, những ngôi nhà gạch lợp ngói đỏ tươi, những lò-cốt cao, pi-áp pi-áp là cờ ba sả. Chạy dài hai bên tay phải, hai dãy nhà vừa lợp lá, vừa lợp ngói lèn san san do những dân chài người Khách cư trú. Nhà nào cũng làm quay lưng ra bờ, mặt trông vào phố, một phố độc nhất ở Các-ba.

Tên đây tôi xin nói qua về cái tên Các-ba, mà nhiều người vẫn gọi lầm là Cá-bà như người ta gọi Cát-bãi vậy.

Các-ba xưa kia vẫn có một tên mà người Khách gọi là Appovan và người Nam gọi là Các-ba, do lấy tên một ngôi mộ của hai bà nữ thân không tên, chôn ở đây, trôi về và hiển linh tại đây.

Ngôi mộ ấy gọi là ngôi mộ của Các-bà, người ta lập miếu thờ và người ta muốn bêu dương cái uy linh của các bà, nên lấy tên Các-bà, đặt cho hòn đảo.

Trước kia hòn đảo chỉ là nơi sào huyệt của các tàu ô, nơi buôn người của lũ mẹ mìn, thì nay có thể là một thành phố con con của khách trú.

Ngoài một khu vực cỏ ngắn nấp, có vệ sinh và sửa sang ngoạn mục của viên Đại-lý người Pháp ở, còn ra là tất cả hện tượng của nước Tàu. Bao nhiêu cái lộn-xộn, ô-tạp, thiếu vệ sinh, ít ánh sáng, nhiều ồn ào và lẫn lộn cá gà lợn ở chung với người, đều có ở đây phố khách này, thế nhưng người ta vẫn sống được.

Sự phồn thịnh về hải sản nơi đây đã bắt người ta quá chen chúc chật hẹp để tìm lấy một chỗ trọ, mặc dầu đã có làng ngấn

gia đình sống ở dưới thuyền, mà cả giang sơn của họ chỉ bằng đời lênh đênh trên mặt sóng. Những đứa bé con lý 'eo', mới ra đời, đã don ngay lấy luồng gió bề và phải tắm gội qua một lớp móc sương phủ trên con thuyền vô định. Nơi sống và chết của bọn dân chài.

Tất cả thuyền cả của người Tàu từ Bắc-hải, Long-châu, Hà cối và các cửa bè gần miền duyên hải Bắc-kỳ, một phần rất đông, lấy Cá-bà làm căn-cứ, cũng do hai lẽ này:

1) Các-bà là một nơi có rất nhiều núi non quanh quất, có thể cho các thuyền ẩn tránh những ngày gió bão.

2) Các-bà là con đường gần hơn hết — trong các ngã đường từ Nam sang Tàu; rất tiện cho sự giao-thông và ở các thú là g lựu thố.

(Còn nữa)
VĂN ĐẠI

Đã có bán:

NHÀ BÊN RIA

của Đỗ Đức-Thu giá 0\$65
Thần-thò và văn-chương
TÚ MỜ

do Lê-Thanh viết giá 0\$10

EM LÀ GÁI BÊ

SONG CỬA

của Lưu Trọng Lư giá 1\$50
VIỆT SỬ GIAI THOẠI
của Đào-Trạch Nhất giá 2\$00
Khảo-cứu và

TIẾNG VIỆT NAM

của Trà-Ngân giá 2\$50
BƯỚC ĐƯỜNG MỚI
của Dương Ngà giá 3\$00

KIM TỰ THÁP

của Phou Quang-Dịnh giá 2\$

NỬA ĐÊM

của Nạn Cao giá 2\$00

Nhà xuất bản Cộng Lực
N° 9 Rue Takou — Hanoi

Giá bán

1 năm	20 \$ 00
6 tháng	11 , 00
3 tháng	6 , 00
Mỗi số	0 , 50

MỘT CÁCH CHƠI VĂN KIỀU

Tùng-Thành NGUYỄN-NHÚN

Ngầy mồng mười tháng tám ta sắp tới quốc dân ta lại sắp sửa làm lễ kỷ-niệm ụ Tền-diễn Nguyễn Du, tác-giả truyện Kiều. Để góp vào việc kỷ-niệm ấy, tôi xin giới-thiệu với độc-giả một cách chơi văn Kiều rất có thú-vị. Người khởi-xướng ra cách chơi đó là ông Đỗ Lưu Bửu, cháu cụ đốc-phủ-sứ Đỗ Lưu-Pừ rong.

Ông Bửu là một nhà tây-học, lại có q^ố t^h Pháp, nhưng vẫn giữ được già-giận cái phong vị Việt nam. Ông rấ sành về văn thơ quốc-tử và có biệt tài về khoa tập Kiều, ông như cô B ở ngoài Bắc vậy.

Cuộc chơi văn Kiều mà ông khởi xướng ra là dùng những chữ trong Kiều để làm thơ thất ngôn bát cú luật Đường vịnh các nhân-vật truyện Kiều.

Các điều-luật ông đặt ra như sau này :

1.) Cấm kiêng đặt một chữ nào của mình ;

2.) Cấm lấy một chữ lẻ, phải lấy trong Kiều từ hai chữ sắp lên liền nhau,

3.) Cấm đảo lên lộn xuống. Thí dụ : vầy vừng không đặt đổi ra vừng vầy ;

4.) Nếu lấy nguyên câu bát, bỏ đi một chữ càng hay, nhưng cấm bỏ chữ thứ hai hay thứ bảy, vì như vậy thì chữ thứ nhất hay thứ tám là của mình đặt ra, không liên với những chữ kia.

Thí dụ trong câu nguyên văn

« Có nghề đàn lại đủ nghề văn thơ » thì lấy dạng : Nghề đàn lại đủ nghề văn thơ (bỏ chữ có) hay là : Có nghề đàn lại đủ nghề văn (bỏ chữ thơ). Còn như muốn lấy :

Có đàn lại đủ nghề văn thơ (bỏ chữ nghề ở trên) hay là :

Có nghề đàn lại đủ nghề thơ (bỏ chữ văn) thì không đặt.

5.) Chữ lấy ở câu nào phải chừa cả câu ấy ra cho tiện kiểm điểm,

Ấy đó, năm điều luật ông đặt ra nghiêm-ngặt như thế. Rồi ông làm ngay bài vịnh Kim-Trọng như sau này :

« Cung đàn vườn Thúy ngân
nợ giấy,

« Tang tóc Liêu - dương nổi
nước này :

« Dưới nguyệt hương nguyên
bay lạt khói,

« Thề hoa gió cuốn bấc
từ mây.

« Ước xưa nghĩa bề còn
mang nặng.

« Duyên mới cơ trời đã đổi
thay.

« Cửa Phật tình cơ trong
tác-hợp

« Thỏa lòng mơ tưởng bấy
lâu nay. »

Các chữ trong bài lấy ở những câu Kiều sau này :

Cung đàn lựa những ngày xưa
Vệ sang vườn Thúy dò la. Đàn
cầm khéo ngân nợ giấy. Nổi
nhà tang tóc, nổi mành xa xôi.
Liêu-dương cách trở sơn khê.
Chàng ở, biết nổi nước này cho
chưa. Tưởng người dưới nguyệt
chén đồng. Mái tây đề lạt hương
nguyên. Trưa bay lạt khói gió
dưa lay rèm. Thề hoa chưa ráo
chén vàng. Phôi đầu trận gió

Đã có bán

Làm bếp giỏi

của Bà VĂN-ĐẠI

— Có ngót một nghìn món ăn khác nhau và nhiều thực đơn thay đổi
— Được đặc quyền in bằng giấy tây.
Sách in có hạn. Ai mua gửi tiền trước.

Giá sách 6\$50 — Cước 1\$20

Vì tình thể hiện thời, ông Đình văn Tuệ không ở Hanoi
Thư và mandat nào gửi rồi thì thôi. Còn từ sau bạn nào
mua sách, cứ gửi thư cho :

Bà ĐÀO-THI-MINH

118 Phố Duvillier — Hanoi

cuốn cờ đàn ngay. Chiếc thoa với bức tờ mây. Một lời tuy có ước xưa. Càng sâu nghĩa bề càng dài tình sông. Hồn còn mang nặng lời thề. Càng âu duyên mới càng dào dạt tình xưa. Rạng trong gác hợp cơ trời. Xuân thu bất đổi thay mấy lần. Ở đây cửa Phật cũng không hẹp gì. Ngày xuân đã dễ lìa cờ mây khi Gặp tuần đồ là thốt lòng tim hóa. Mặt mới tương mặt lòng ngao ngán lòng. Bấy lâu hay một chút lòng chưa cam.

Ông Hy-tiêu, một nhà nho người Bắc vào làm kỹ sư ở Bến Tre và là bạn đồng-bì của ông Bửu cũng hưởng ứng mà làm bài vịnh Thủy Kiều như vậy

« Hai lượt lầu xanh, ấy phải lìa,
« Hồng nhan sao phận mỏng như tờ?
« Tiên thề vườn Thùg không duyên trước,
« Thuyền chực sông Tiền có nước xưa.
« Năng nghiệp má đào dư nước mắt,
« Hai người mệnh bạc mấy đường tơ.
« Sắc tái mang lấy càng thêm bận
« Lỡ dịp cung đàn khéo ngán ngơ. »

Lấy ở những câu Kiều sau này: Thanh lâu hai lượt thanh y hai lần. Lầu xanh quen thói xưa nay. Liều mình thế ấy phải lìa thế kia. Sông Tiền dường đó ấy mồ hồng nhan. Phận sao phận bạc như vôi. Kiều-nhi phận mỏng như tờ. Tiên thề cũng thảo một chương. Vội sang vườn Thùg dò la. Đã không duyên trước thì mà. Đứng thuyền chực sẵn kết chài ngang sông. Một lời tuy có

ước xưa. Số. còn hằng nghiệp má đào. Kéo dư nước mắt khóc người đời xưa. Đạn trường liếng ấy hai người bấy lâu. Xót người mệnh bạc. Ắt là ở cửa sông. Nàng rằng vì nung đường tơ. Hai thày mang lấy sắc tái làm chi. Đã mang lấy nghề ép vào thân. Theo cang thề bất bất là đi đầu. Lầm chi lỡ dịp cho đàn ngang cung. Cung lau lã những ngày xưa. Đạn đàn khéo ngán ngơ giải.

Khi ông Bửu lấy ngất tã ban 11 ở gửi diều - luật và hai bài 11 ở trên này cho tôi xem, tôi thấy bài thứ có tựa một bài về Thủy Vân như sau:

Trong đạo đàn bà lấy chữ trinh.
Thủy Vân chẳng thể với trời xanh.
Hoa cười e lệ càng thêm nết,
Ngọc thốt đoan trang giữ lấy mình.
Duyên ghê buộc vào khôn lẽ chối,
Nghĩa chàng tựa được nghĩ mình tình.
Cho hay trời gửi thương vì nết,
Phúc lộc dẫu đào bới bỏ kinh.
dùng những câu Kiều như sau này:

Xưa nay trong đạo đàn bà. Đạo lòng phải lấy chữ trinh làm đầu. Đuốc hoa chẳng thể với chàng mai-xưa. Trơ xanh quen thói má hồng đánh ghen. Hoa cười ngọc thốt đoan trang. Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa. Lòng càng thêm nết thêm vì mười phần. Liều bỏ mình giữ lấy mình được hay. Vội đem duyên chi buộc vào cho em. Hết lời khôn lẽ chối lời. Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi. Nghĩ mình vinh hiển thương người lưu luyến. Cho hay là thói lưu tình. Khi nên, trời cũng

CÙNG CÁC ĐỘC GIẢ THÂN MẾN

Trong bốn năm cố gắng, Tri Tân đã đi được vãng vàng trên đường văn hóa, một phần ủng hộ là nhờ tất cả các bạn độc giả trong năm xưa. Chúng tôi không biết lấy gì cảm tạ, lúc nào cũng mãi xin hết sức cố gắng để đi đến bờ thành công.

Sống tình-tình gây, mọi ngày mới khổ và dặt, sự hy sinh của chúng tôi cố chừng, mong được giá trị và vết chữ in thể mà thể tài cho. Vậy bắt đầu từ 1er Juillet 1944, chúng tôi buộc lòng phải tăng thêm giá báo theo sau đây:

3 tháng	6 \$ 00
6 tháng	11 \$ 00
1 năm	20 \$ 00
mỗi số	0 \$ 50

Trong lúc khó khăn này, nhờ các bạn độc giả tăng cường đặt cho là với lòng ủng hộ từ lập chí văn hóa đang phải vật lộn là sống.

Kính đại
TRI-TÂN

chiều ngày. Thương vì nết, trọng vì tài. Vật nhà phúc lộc gồm hai. Chữ tài chữ mệnh, đời dẫu cả hai. Đã cho vào bậc bỏ kinh.

Thế là ba chữ tên truyện, mà cũng là ba vai chính trong truyện: Kim, Vân, Kiều đã vịnh xong. Nay nhân ngày kỷ niệm cụ Tiên-Đền sắp tới, tôi giết ra bài này để mời các bạn lòng thơ hưởng ứng vịnh nốt các nhân vật trong truyện, thiết tưởng cũng là một cuộc chơi vừa lao-nhà vừa lý-thực vậy.

Tùng Thành NGUYỄN-NUỚC

TIÊU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhân tống An-Tư công-chúa
vu Thoát-Hoan, dục thư quốc nan dã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính lạng hương hồn mẫu thân.

NGUYỄN HUY-TƯỜNG

Số 2

Mà không được làm chủ bông hoa kiêu diễm kia, An-Tư, đẹp nhất trời Nam!... Ông chàng lộn xộn, chàng nghĩ đến ngày cưới tung bừng Nàng đẹp như một tiên nga giáng thế trên kiêu hoa bước xuống, trong một vòng hào quang đỏ rực, giữa những tiếng ti trúc rập riu... Chợt chàng lại thẹn với mình: đã đến nước này phải để nàng cho người khác, với toàn thân trong trắng. Chiến sĩ đã gánh nặng hai chữ « quân án » giơng ruổi với thanh gươm yên ngựa, há lại đi làm lơ một đời người, nhất là một người yêu quý? Chàng xấu hổ vì thái độ xâm lấn ban đầu, và chàng đứng dậy, tra kiếm bên mình, có ý ra đi.

Nàng cũng đứng dậy sát gần chàng, có chiều trách móc. Vương nhớ ra, hối hận vì chưa đáp lời nàng nói Hương thơm của hơi thở An Tư lại hoàn toàn chinh phục chàng thanh niên. Vương nói:

— Đa tạ công chúa. Mẫu thân vẫn được khỏe mạnh, và vẫn thường nhắc tới công chúa luôn.

Chàng rầu rầu và nàng rung rung mồn khóc. Trống thành vừa điểm canh ba. Nàng nói:

— Vương hãy ngồi chơi. Đã đi đâu vội?

Nhời nói thân tình. Vương phục lòng ngồi xuống, liếc trông thấy nàng hơi tái và vương ái ngại,

Nàng giương đôi mắt phượng đen như huyền, sáng như gương nhìn chàng run run và nói:

— Nay vương đi, mẫu thân thì già, các em còn trẻ, hay vương cho phép tôi về hầu hạ mẫu thân...

Cảm động quá, nàng không nói hết, mím miệng hoa để cầm giọt lệ. Như cái máy, chàng cầm lấy bàn tay ông nuốt, trắng tinh dưới ánh nến và nói:

— Đa tạ công chúa. Đa tạ công chúa. Mẫu thân chắc không nhận đâu, và ai lại thế.

Nàng đề yên cho chàng cầm tay, nghĩ rằng thái độ quý thuận của mình có thể đền bù trong muôn một nỗi thiệt thòi của đời chiến sĩ. Vương sợ nàng phát ý nói lảng:

— Mẫu thân gan như sắt đá. Khi ra đi tôi có ý ngần ngại sợ trong buổi loạn lỵ này không biết có được yên tuyến không, thì mẫu thân nói:

« Con cứ đi, mẹ đã có khu xử ». Người không sợ gì, thế giặc cực mạnh mà người bảo không đáng sợ, rút cục thế nào ta cũng đuổi được chúng ra ngoài bờ cõi.

Nàng cười đầy tin tưởng:

— Sao mẫu thân biết?

— Người nói, có ba điều khiến ta vững tâm. Thứ nhất nước ta ngày nay muôn người như một, từ vua đến dân, ai ai cũng một lòng đánh đuổi kẻ thù, cho rằng sống nhục không bằng chết vinh. Hội nghị Diên-bồng càng củng cố thêm tinh thần trung quan ái quốc.

Một câu « xin đản » của các bộ lão cũng đủ 50 vạn hùng binh của Thoát Hoan.

Điều thứ hai là quân đội ta rất mạnh, kỷ luật rất nghiêm, tướng tá kẻ thành một khối, răm rắp theo lệnh Quốc-công, như đàn con theo cha, thân mật hơn trong gia đình, thiếu đâu có đấy, một tiếng mõ rao muôn người ra trận, không khác chi con dê lở vít được ngay, còn làn sóng to nào tràn qua được nữa?

Điều thứ ba, ấy là Quốc-công tiết chế. Quốc-công cầm quân, biết tùy lúc tiến lui, trông rõ đại cục, gan bền như sắt đá, lượng rộng như bể trời, được lòng cả ba quân lẫn dân chúng, thực là người cứu dân độ thế, chế phục được tất cả những khó khăn. Khi xưa Quốc-công còn trẻ, mới ngoài 20, đương lúc giặc Ngột lương Hợp-Thái sang xâm, và lệnh vua Tuai Tôn lên giữ vạn Hưng-hóa. Khi ra đi không vội vã, điềm nhiên như ta đi chơi, phụ thân đã khen là « đúng », tất làm nổi đại sự.

— Tôi thấy quân ta thất lợi, vẫn thường lo ngại. Nay vương thật tại lời mẫu-thân cho, như vèn đám mây mờ; mẫu thân thực là người cao kiến.

— Hướng chi ngoài Quốc-công ra, còn bao nhiêu người tài trí

giúp giúp: Mưu lược như Chiêu-minh-vương, Chiêu-văn-vương, vũ dũng như Bảo-ngĩa-vương, Hưng-đức hầu, Hoài-văn hầu, Nhân-đức hầu, tướng quân Lê phụ Trần. Đây là những bậc của Tôn-tể-tất triều-dinh, ngoài ra còn những anh hùng như Nguyễn Khoái, Nguyễn Thước, Phạm Ngũ Lão cũng mấy nghìn môn khách của Quốc-công, đủ cả văn nhân, mưu thần, dũng sĩ, người nào cũng dốc lòng vì nước, kể ra thì nhân tài như rừng nói không hết được. Quân ấy, tướng ấy có lẽ nào lại chịu khuất phục quân thù?

— Còn vương nữa chứ?

— Công chúa nói tôi thêm thẹn. Giặc sang từ tháng một nay đã gần hết năm mà tôi còn ở đây, thực là đắc tội với triều đình, thẹn cùng chúng bạn. Sau ngày Quốc-công duyệt quân ở bến Đông-Bô đầu, tôi trở về mộ thêm

bình, huyện bề tốt, ai hay giữa lúc giặc sang thì tôi ư ư bệnh.

— Đó có phải dầu là mình muốn thế?

— Dầu sao cũng là cái nhục cho tôi. Nằm trên giường bệnh, gông già ngót một tháng trời, tôi tự nghĩ lâu hàng ngàn năm. Nhớ kể những chiến công oanh liệt ngoài biên, những chuyện tử uất, tử chiến, tôi chỉ biết thở dài, sau lại rở việc quan quân thất lợi ở Khả-li, Lộc-châu, tôi cố lúc thiết lên như mình mang tội ấy. Lại sờ ruột, vì tiếng mở rao gọi người ra lính, dân gian kéo ra lòng quần rã rã gặp ngoài đường. Những thủ-đạo hiền hách của Hoài-văn hầu khiến tôi càng ghen tức. Kể vai về tôi là chú hầu kẻ niên sĩ, tôi còn hơn hầu năm tuổi, vậy mà uy danh hầu đã trấn động bốn phương, là cờ sáu chữ « Phá cường địch báo hoàng ân » đã vẩy bay trên

bao nhiêu trận, giống một vẻ vang quân thù thất lâm, cũng chẳng thời đến hầu là tội lỗi lớn, không sao trấn tĩnh được. Có đêm khó chịu và sốt ruột quá, tôi vâng dậy, đi gương với lấy chuỗi bảo kiếm ra tùy theo trên tường phụng tôi ngã lan xiống đất, kiếm đè lên mình tưởng là chết. Máu tràn cầm nển đi vào vực tối lên giường, nghiêm sắc mặt, nhưng còn tồn bảo tôi không nên nóng nảy, yên lòng thuốc thang thì mới chóng khỏi. Tôi vâng phục, và sau mấy hôm kịch liệt, li-bị, tôi dần dần bình phục. Một hôm, tôi lại với thanh kiếm thấy nhẹ, tôi sung sướng, tuy còn lờ đờ nhưng cũng vác kiếm ra khỏi buồng, trông thấy cỏ cây ánh sáng thực là muôn phần vui vẻ.

(Còn nữa.)

NGUYỄN-HUY-TƯỜNG

Thư-xã Alexandre de Rhodes

Mới xuất-bản một giai phẩm về mỹ-thuật

CROQUIS TO-KINOIS

của Họa-sĩ MẠNH-QUỲNH

là một tập tranh vẽ thủy-mạc về phong-cảnh, đời sống ở thôn-quê xứ Bắc.

Tập này khổ 26×32, có 20 bức in lên thứ giấy nhung Thăng-Long chỗ riêng lại hãng Nguyễn Quý Kỳ (làng Bưởi), in một mặt, tờ rời, dựng trong kiểu bìa hộp rất mỹ-thuật, do họa-sĩ tự khắc gỗ in tay, rất công-pau.

In có hạn 300 tập, giá mỗi tập là 40\$ 00 hoặc 2p.00.



Gửi giấy mua và mandat tới địa-chỉ hân-hội, 6 đường P. Pasquier giây nói số 628 (Hanoi).

« Có gửi bán và bán tại G. M. R. Taupin và IDEO, Hanoi. »

QUỐC HỌC THU XÃ

Mới phát hành

Lược-luật về PHỤ NỮ VIỆT NAM

Giá 2\$50

cuốn sách gối đầu giường của các bà, các cô, gia đình nào cũng phải có.

LỊCH-SỬ BẢO-CHI Giá 2\$00

NGHỆ-THUẬT và DANH-GIAO 2 50

VIỆT HOA THÔNG SỬ SỬ LƯỢC

Giá 5\$00

các học-giả, các nhà tư-tâm khảo vãn hóa đều phải đọc

TÂN HIẾU KINH Giá 1\$20

có chữ Hán, cuốn sách cần ích cho hết thảy các gia đình, các học-đường, các giáo-dục-sở.

Sắp phát hành

Luận lý DU-THUYẾT YẾU THUẬT

ai muốn hiểu thấp khoa Luận-lý-học và thực hành môn

Du-thuyết đều phải đọc cuốn sách này, gồm triết-hoa của khoa Luận-lý, du-thuyết Đông, Tây, cổ kim

Thư đề cho: M. LÊ VĂN HOÈ

16 bis Rue Tientsin Hanoi